

NỘI DUNG CÔNG KHAI NĂM HỌC 2024-2025

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC (Điều 4 thực hiện theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Tiểu học Kim Đồng

2. Trụ sở chính: Số 8 đường Nguyễn Thái Học, Khu phố 4, Phường 2, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Địa chỉ hoạt động khác: Không

Số điện thoại: 02763 822 448

Địa chỉ thư điện tử (Email): kimdongth2020@gmail.com

Cổng thông tin điện tử: <http://thkimdong.giaoductayninh.vn>

3. Loại hình cơ sở giáo dục:

- Loại hình: Công lập

- Cơ quan quản lý trực tiếp: Ủy ban nhân dân Thành phố Tây Ninh

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của trường Tiểu học Kim Đồng.

a. Sứ Mạng: Xây dựng môi trường học tập lành mạnh, thân thiện, tích cực, có nền nếp, kỷ cương, chất lượng thực chất để mỗi giáo viên và học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng, tư duy sáng tạo và kỹ năng ứng dụng của mình, thích ứng nhanh trong quá trình hòa nhập vào cuộc sống.

b. Tầm Nhìn: Là một trong những trường tiểu học chất lượng trên địa bàn Phường 2 mà học sinh sẽ lựa chọn để học tập và rèn luyện, nơi giáo viên và học sinh luôn có khát vọng vươn lên.

c. Mục Tiêu: Xây dựng thương hiệu nhà trường, có uy tín và ổn định về chất lượng giáo dục.

+ Tôn Trọng:

- Xây dựng và duy trì một văn hóa tôn trọng lẫn nhau trong mọi hoạt động của trường, từ học sinh, giáo viên đến phụ huynh và cộng đồng.

- Đảm bảo rằng mọi ý kiến, nhu cầu và cảm xúc của học sinh và nhân viên đều được lắng nghe và phản hồi tích cực.

+ An Toàn:

- Đảm bảo môi trường học tập an toàn về cả thể chất lẫn tinh thần, phòng ngừa và xử lý kịp thời các vấn đề liên quan đến bạo lực học đường và sự xâm phạm quyền lợi của học sinh.

- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa và an ninh nhằm bảo vệ học sinh khỏi mọi nguy cơ bên ngoài và bên trong nhà trường.

+ Yêu Thương:

- Xây dựng môi trường học tập thân thiện, nơi mỗi học sinh cảm thấy được yêu thương và quan tâm, khuyến khích sự phát triển toàn diện của các em.
- Tổ chức các hoạt động giáo dục và hỗ trợ để củng cố tình bạn, sự đồng cảm và sự đoàn kết trong cộng đồng học đường.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

5.1. Quá trình hình thành

- Trường Tiểu học Kim Đồng được thành lập từ sau ngày Miền Nam hoàn toàn giải phóng, là trường tiểu học bán trú đầu tiên của tỉnh. Địa bàn trường tại trung tâm thành phố Tây Ninh, chịu trách nhiệm phổ cập dân số trong địa bàn khu phố 1, 2, 3 và 4 - phường 2 - thành phố Tây Ninh, các hoạt động của trường gắn với địa phương phường 2 như sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt chi đoàn, Đội TNTP HCM, ...
- Được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo, trường được đầu tư xây mới tại khu phố 4 - phường 2 - thành phố Tây Ninh, đã tiến hành nghiệm thu và đưa vào sử dụng từ tháng 4/2011, môi trường rộng rãi thoáng mát, sạch sẽ, đảm bảo cơ sở vật chất cho việc giảng dạy và thuận lợi cho việc tổ chức bán trú tại trường.

5.2. Quá trình phát triển

Trường Tiểu học Kim Đồng, từ khi thành lập đến nay luôn là một trong những đơn vị luôn dẫn đầu công tác dạy và học cũng như các phong trào thi đua, là trường đầu tiên của tỉnh đạt chuẩn quốc gia, ngày 10/12/2012 Trường Tiểu học Kim Đồng đạt chuẩn quốc gia mức độ 2, theo Quyết định số 2469/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh công nhận. Trường được công nhận lại vào tháng 8 năm 2024 theo quyết định số 1522/QĐ-UBND ngày 09/8/2024 một cột mốc quan trọng khẳng định chất lượng về cơ sở vật chất và công tác giảng dạy. Đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 2: Quyết định số: 745/QĐ-SGDĐT ngày 16/4/2018 của giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Tây Ninh về việc công nhận trường Tiểu học Kim Đồng đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 2. Đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 3; theo Quyết định số: 3264/QĐ-SGDĐT ngày 05/7/2024 của giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Tây Ninh về việc công nhận trường Tiểu học Kim Đồng đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 thể hiện sự cam kết vững chắc trong việc nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo cho các thế hệ học sinh.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn

- Người đại diện pháp luật: **Mai Thị Thanh Xuyên**
- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Địa chỉ nơi làm việc: Trường Tiểu học Kim Đồng, Số 8 đường Nguyễn Thái Học, Khu phố 4, Phường 2, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh
- Số điện thoại: 0987133729
- Địa chỉ thư điện tử (Gmail): thanhxuyenvts1979@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

a. Quyết định thành lập trường:

- Trường Tiểu học Kim Đồng được thành lập từ sau ngày Miền Nam hoàn toàn giải phóng, đến năm 1992 đổi tên theo Quyết định số 800/QĐ-UB, ngày 20 tháng 5 năm 1992 của Chủ tịch UBND thị xã Tây Ninh (nay là thành phố Tây Ninh).

(Có Quyết định kèm theo)

b. Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường:

Quyết định số 1283/QĐ-UBND ngày 12/11/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Tây Ninh về việc kiện toàn Hội đồng trường Trường TH Kim Đồng.

(Có quyết định kèm theo)

Danh sách Hội đồng trường:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Chức danh hội đồng
1	Bà Mai Thị Thanh Xuyên	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Bà Trần Thị Nhất	Chủ tịch công đoàn	Phó Chủ tịch
3	Bà Cù Thị Ngọc Diệu	Bí thư chi đoàn	Thư ký
4	Bà Lê Thị Thu Hà	Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên
5	Bà Nguyễn Thị Huyền	Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên
6	Bà Võ Thị Thu Phương	Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên
7	Bà Nguyễn Thị Ngân Hà	Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên
8	Bà Dương Thị Giang	Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên
9	Bà Bùi Thị Ngọc Yến	Tổ trưởng văn phòng	Thành viên
10	Ông Võ Nhật Quân	Phó Chủ tịch UBND Phường 2	Thành viên
11	Ông Lê Trọng Cường	Ban đại diện cha mẹ học sinh	Thành viên

c. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.

- Quyết định điều động và bổ nhiệm Hiệu trưởng (Mai Thị Thanh Xuyên): Quyết định số 628/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố tây Ninh về việc điều động và bổ nhiệm viên chức quản lý trường học.

- Quyết định bổ nhiệm phó Hiệu trưởng (Nguyễn Thị Hồng Nhung): Quyết định số 265/QĐ-UBND ngày 16/6/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố tây Ninh về việc điều động và bổ nhiệm viên chức quản lý trường học.

- Quyết định bổ nhiệm phó Hiệu trưởng (Nguyễn Thị Thu Được): Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 29/03/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố tây Ninh về việc bổ nhiệm viên chức quản lý trường học.

(có quyết định kèm theo)

d. Quy chế tổ chức và hoạt động; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; sơ đồ tổ chức bộ máy:

Cơ chế hoạt động của trường:

- Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường, xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học, báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền.
- Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật đối với giáo viên, nhân viên; thực hiện việc tuyển dụng giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động; tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước.
- Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức, xét duyệt kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ GDĐT, ký xác nhận hoàn thành chương trình tiểu học cho học sinh lớp 5 và quyết định khen thưởng học sinh.
- Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; Thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; thực hiện công khai đối với nhà trường.

Vị trí chức năng:

- Trường Tiểu học Kim Đồng là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Tây Ninh; chịu sự chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân thành phố Tây Ninh; đồng thời, chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn nghiệp vụ của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Tây Ninh và các cơ quan có thẩm quyền.
- Trường Tiểu học Kim Đồng có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng theo quy định của pháp luật.

Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục:

- Công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục; tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.
- Thực hiện giáo dục bắt buộc, phổ cập giáo dục và xóa mù chữ tại địa bàn. Huy động trẻ em đi học đúng độ tuổi, vận động và tạo điều kiện cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đến trường. Nhận bảo trợ và quản lý các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo sự phân công của cấp có thẩm quyền.
- Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.
- Triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; thực hiện lựa chọn sách giáo khoa theo quy định của Bộ

Giáo dục và Đào tạo; triển khai thực hiện sách giáo khoa và nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của ủy ban nhân dân các tỉnh; thực hiện tự chủ chuyên môn trong tổ chức các hoạt động giáo dục tại trường tiểu học.

- Thực hiện tự kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng giáo dục theo quy định.

- Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

- Quản lý và sử dụng đất, tài chính và tài sản của nhà trường theo quy định của pháp luật.

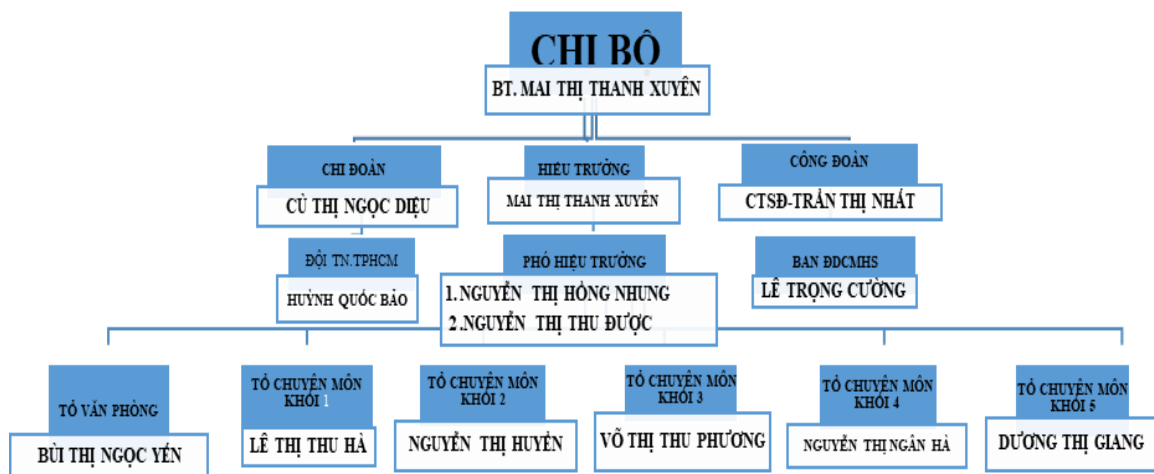
- Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ hoặc người giám hộ học sinh, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng thực hiện các hoạt động giáo dục. Tổ chức cho giáo viên, người lao động và học sinh tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương.

- Xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục trong nhà trường, tham gia xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục ở địa phương.

- Được tiếp nhận các khoản tài trợ, viện trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với nhà trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

 **Sơ đồ tổ chức bộ máy trường tiểu học Kim Đồng.**



d. Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có): Không có

e. Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục (nếu có).

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Thư điện tử
1	Mai Thị Thanh Xuyên	Hiệu trưởng	0987133729	thanhxuyenvts1979@gmail.com
2	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Phó hiệu trưởng	0911579857	nguyennhung82tn@gmail.com

3	Nguyễn Thị Thu Được	Phó hiệu trưởng	0902721058	nguyenthithuduockd@gmail.com
---	------------------------	--------------------	------------	--

Địa chỉ nơi làm việc: Số 8 đường Nguyễn Thái Học, Khu phố 4, Phường 2, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

Các văn bản liên quan của trường tiểu học Kim Đồng:

- Kế hoạch số 26/KH-THKD ngày 16/10/2024 Kế hoạch phát triển trường tiểu học năm học 2024-2025.

- Quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục: Quyết định số 38/QĐ-THKD ngày 13/10/2023 về việc ban hành quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường năm học 2023-2024.

NỘI DUNG CÔNG KHAI THU, CHI TÀI CHÍNH
(Điều 5 thực hiện theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT)

1. Công khai chi tiết tài chính năm 2023

ĐVT: đồng

Nguồn chi Chi Chi không		
	thường xuyên	thường xuyên
Nội dung		
DỰ TOÁN NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG (1)	69.247.490	0
DỰ TOÁN GIAO (2)	10.245.100.000	217.900.000
DỰ TOÁN BỔ SUNG (3)	219.010.462	42.000.000
DỰ TOÁN TĂNG CCTL (4)	784.930.872	0
DỰ TOÁN THU (1+2+3+4)	11.318.288.824	259.900.000
DỰ TOÁN CHI	11.318.288.824	248.330.830
1. Tiền lương	4.835.715.960	42.000.000
2. Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	139.179.263	59.900.000
3. Phụ cấp lương	2.915.717.283	146.430.830

4. Tiền thưởng	26.460.000	
5. Phúc lợi tập thể	-	-
6. Các khoản đóng góp	1.413.699.152	-
7. Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	1.166.139.109	-
8. Thanh toán dịch vụ công cộng	118.930.359	-
9. Vật tư văn phòng	283.674.542	-
10. Thông tin tuyên truyền	29.239.141	-
11. Hội nghị	-	-
12. Công tác phí	26.029.000	-
13. Chi phí thuê mướn	61.847.000	-
14. Sửa chữa duy tu tài sản	109.214.270	-
15. Chi phí nghiệp vụ chuyên môn từng ngành	54.013.014	-
16. Chi khác	111.169.276	-
DỰ TOÁN CÒN LẠI	0	11.569.170
CHUYỂN SANG NĂM 2024	0	0

*** Quý I năm 2024:**

Nội dung	Nguồn chi	Chi	Chi không
		thường xuyên	thường xuyên
DỰ TOÁN NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG (1)		0	0
DỰ TOÁN GIAO (2)		10.093.100.000	272.900.000
DỰ TOÁN BỔ SUNG (3)		-	39.900.000
DỰ TOÁN TĂNG CCTL (4)		1.734.000.000	-
DỰ TOÁN THU (1+2+3+4)		10.357.100.000	235.800.000
DỰ TOÁN CHI			
1. Tiền lương		1.284.390.001	

2. Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	24.466.000	33.124.182
3. Phụ cấp lương	753.803.334	
6. Các khoản đóng góp	368.904.177	
8. Thanh toán dịch vụ công cộng	38.469.514	
9. Vật tư văn phòng	49.281.700	-
10. Thông tin tuyên truyền	5.464.009	-
11. Hội nghị	-	-
14. Sửa chữa duy tu tài sản	3.000.000	-
15. Chi phí nghiệp vụ chuyên môn từng ngành	2.529.930	
16. Chi khác		
DỰ TOÁN CÒN LẠI	9.284.791.335	239.775.818
CHUYỂN SANG QUÍ SAU	9.284.791.335	239.775.818

Bảo hiểm y tế (KP CSSKBD):

Năm trước chuyển sang: 77.215.538 đồng

Tổng cấp: 59.611.372 đồng

Tổng chi: 4.757.170 đồng

+ Chi mua thuốc, DD sát khuẩn: **2.697.170 đồng.**

+ Mua vật tư, đồ dùng y tế: **2.060.000 đồng.**

+ Chi khác: **0 đồng**

2. Công khai các khoản thu năm học 2023-2024 và dự kiến 2 năm tiếp theo

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
I	Năm học 2023-2024			
1	Bảo hiểm y tế	đồng/học sinh/tháng	56.700	
2	Sổ liên lạc điện tử	đồng/học sinh/năm	80.000	
3	Tiền ăn	đồng/học sinh/ngày	25.000	
4	Phục vụ bán trú	đồng/học sinh/tháng	280.000 220.000	Khối 1 Khối 2,3,4,5
3	Lắp đặt máy lạnh phòng ngủ	đồng/học sinh/năm	100.000	
II	Năm học 2024-2025			

1	Bảo hiểm y tế	đồng/học sinh/tháng	73.710	
2	Tiền ăn	đồng/học sinh/ngày	25.000	
3	Phục vụ bán trú	đồng/học sinh/tháng	280.000 220.000	Khối 1 Khối 2,3,4,5
4	Sổ liên lạc điện tử	đồng/học sinh/năm	80.000	
5	Lắp đặt máy lạnh phòng ngủ	đồng/học sinh/năm	100.000	
6	Hoạt động trải nghiệm (Stem)	đồng/học sinh/tháng	80.000	
III	Năm học 2025-2026			
1	Bảo hiểm y tế	đồng/học sinh/tháng	Thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền	
2	Tiền ăn	đồng/học sinh/ngày	32.000	
3	Phục vụ bán trú	đồng/học sinh/tháng	300.000	Khối 1,2,3,4,5
4	Sổ liên lạc điện tử	đồng/học sinh/năm	80.000	
5	Lắp đặt máy lạnh phòng ngủ	đồng/học sinh/năm	100.000	
6	Hoạt động trải nghiệm (Stem)	đồng/học sinh/tháng	80.000	

3. Công khai dự toán thu chi 6 tháng đầu năm 2024

2.1 Ngân sách năm 2024:

- Tồn năm trước mang sang (nguồn NS tự chủ): 0đ
- Dự toán giao đầu năm 2024: 12.139.900.000đ
- Số thực hiện chi 6 tháng đầu năm 2024: 5.579.325.356đ
- Số Tồn tại KBNN 30/6/2024: 6.560.574.644đ

2.2 Nguồn căn tin năm 2024:

- Tồn trước chuyển sang: 48.959.122đ
- Thu tiền lãi 6 tháng trong năm: 102.025đ
- Chi 6 tháng đầu năm: 0đ
- Số tồn chuyển sang năm sau: 49.061.147đ

2.3 Quỹ chăm sóc sức khỏe ban đầu:

- Tồn: 77.215.538 đ
- Thu: 59.611.372đ
- Chi: 15.877.170 đ
- Tồn: 120.949.740đ

2.4 Các nguồn thu khác của đơn vị 6 tháng đầu năm 2024:**2.4.1. Lắp đặt máy lạnh**, mức thu: 100.000đ/ năm học/1hs.

Tồn năm 2023: 104.100.000đ

Thu: 13.300.000đ

Chi: 97.000.000đ

Tồn 30/6/2024: 20.400.000đ

2.4.2. Quỹ PVBT:

Tồn: 873.170.406đ

Thu: 255.910.000đ

Chi: 1.124.687.055đ

Tồn: 4.393.351đ

2.4.3. Tiền ăn: 25.000đ/ngày/1HS

Tồn đầu năm 2023-2024: 199.637.712đ

Thu từ tháng 1-> T6 năm 2024: 2.319.380.000đ

Chi 6 tháng đầu năm 2024: 2.518.935.244đ

Tồn: 22.468đ

**NỘI DUNG CÔNG KHAI ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG
GIÁO DỤC PHỔ THÔNG***(Điều 8 thực hiện theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT)***1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:****a. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo;**

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Đạt chuẩn	Trên chuẩn	Chưa đạt chuẩn	
Hiệu trưởng	1	1		1	/	/	
Phó Hiệu trưởng	2	2		2	/	/	
Giáo viên	51	44	1	51	/	/	
TPT Đội	1	0		1			
Nhân viên	6	4		4	/	2 (BV)	
Cộng	61	51	1	59		2 (BV)	

📌 Chia theo vị trí việc làm:

STT	Vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp	Hạng của chức danh nghề nghiệp	Số lượng người làm việc
I	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý (02 vị trí)			
1	Hiệu trưởng	Giáo viên TH	III trở lên	01

2	Phó Hiệu trưởng	Giáo viên TH	III trở lên	02
II	Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành (06 vị trí)			
1	Giáo viên tiểu học hạng I	Giáo viên TH	I	01
2	Giáo viên tiểu học hạng II	Giáo viên TH	II	43
3	Giáo viên tiểu học hạng III	Giáo viên TH	III	11
4	Giáo vụ		IV	Kiểm nhiệm
5	Tư vấn học sinh		IV	Kiểm nhiệm
6	Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật		IV	Kiểm nhiệm
III	Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung (06 vị trí)			
1	Thư viện viên hạng IV	Thư viện viên	IV	01
2	Chuyên viên về quản trị công sở	Chuyên viên	III	Kiểm nhiệm
3	Phụ trách kế toán	Kế toán viên	III	01
4	Nhân viên thủ quỹ	Nhân viên	IV	Kiểm nhiệm
5	Văn thư viên trung cấp	Văn thư viên trung cấp	IV	01
6	Y tế học đường	Y sĩ	IV	01
IV	Vị trí việc làm hỗ trợ phục vụ (03 vị trí)			
1	Nhân viên Bảo vệ			02
2	Nhân viên Phục vụ			02
3	Nhân viên Nấu ăn			01

❖ **Trình độ đào tạo**

- Tổng số 59 CBGVNV, cụ thể như sau:

b. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định:

Loại hình giáo viên	Số lượng	Thạc sỹ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Thành tích và kinh nghiệm	Tiêu chuẩn nghề nghiệp đạt được	Nội dung hoàn thành bồi dưỡng chuyên môn hàng năm
Giáo viên văn hóa	39	-	39	-	-	02 GV Hội giảng cấp tỉnh, 13 GV đạt Hội giảng cấp thành phố 100% GV đạt GV dạy giỏi cấp trường.	38/39 đạt Tốt = 97% 1/39 đạt Khá = 3%	39/39 hoàn thành = 100%

Giáo viên Tiếng Anh	04	-	04	-	-	02 GV đạt HG cấp thành phố; Có nhiều thành tích trong bồi dưỡng HS	3/4 đạt Tốt = 75% 1/4 đạt Khá = 25%	4/4 hoàn thành = 100%
Giáo viên Âm nhạc	02	-	02	-	-	Tích cực rèn luyện học sinh tham gia các hoạt động của trường và đội.	2/2 đạt tốt = 100%	2/2 hoàn thành = 100%
Giáo viên Mỹ Thuật	02	-	02	-	-	01 GV đạt HG cấp TP, TỈNH	2/2 đạt Tốt = 100%	2/2 hoàn thành = 100%
Giáo viên Thể chất	03	-	03	-	-	01 GV đạt HG cấp TP	2/3 đạt Tốt = 75% 1/3 KXL (T. Khuê PGD) = 25%	2/2 hoàn thành = 100%
Giáo viên Tin học	01	-	01			01 GV đạt HG cấp TP, nhiều năm liền, UDCNTT tốt	1/1 đạt Tốt = 100%	1/1 hoàn thành = 100%
GV-TPT Đội	01	-	01	-	-	Đạt TPT giỏi nhiều năm liền	1/1 đạt Tốt = 100%	1/1 hoàn thành = 100%

 Cán bộ quản lý: 3/3 đồng chí

- Trình độ chuyên môn: Đại học
- Trình độ Lý luận chính trị: Trung cấp

c. Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định: 58/58 giáo viên, nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm, đạt tỷ lệ 100%. Cụ thể

Chức vụ	Họ và tên	Số điện thoại	Email	Xếp loại chuẩn HT, PHT	Hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định
Hiệu trưởng	Mai Thị Thanh Xuyên	098713 3729	thanhxuyenvts1979@gmail.com	Tốt	Hoàn thành
Phó hiệu trưởng	Nguyễn Thị Hồng Nhung	091157 9857	nguyennhung82tn@gmail.com	Tốt	Hoàn thành
Phó hiệu	Nguyễn Thị Thu Được	090272 1058	nguyenthithuduockd@gmail.com	Tốt	Hoàn thành

trưởng					
--------	--	--	--	--	--

Hiệu trưởng đã có nhiều năm kinh nghiệm trong công tác quản lý, luôn được đánh giá HTT nhiệm vụ trở lên.

Nhân viên hỗ trợ

Chức danh	Số lượng	Trình độ chuyên môn	Tiêu chuẩn nghề nghiệp đạt được	Nội dung hoàn thành bồi dưỡng chuyên môn hàng năm	Kinh nghiệm làm việc
Nhân viên kế toán	01	Đại học	Tốt	Hoàn thành	17 năm
Nhân viên y tế	01	Trung cấp	Tốt	Hoàn thành	14 năm
Nhân viên thiết bị thư viện	01	Cao đẳng	Tốt	Hoàn thành	10 năm
Nhân viên văn thư	01	Cao đẳng	Tốt	Hoàn thành	10 năm
Nhân viên bảo vệ	02			Hoàn thành	7 năm và 4 năm HĐ 111
Nhân viên VS bán trú	08			Hoàn thành	HĐ thời vụ

2. Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

a. Thông tin về cơ sở vật chất

Danh mục	Tổng diện tích	Số lượng học sinh	Bình quân diện tích/học sinh	So với yêu cầu tối thiểu
Diện tích toàn trường	11509m ²	1411	8 m ² /1 học sinh	Tối thiểu 10/ m ² /1 học sinh
Phòng học	1728 m ²	1411	1,2 m ² /1 học sinh	Tối thiểu 10/ m ² /1 học sinh
Phòng chức năng				
- Phòng Tin học	44 m ²	849		Đạt
- Phòng Ngoại ngữ	146 m ²	849		Đạt
- Phòng Mỹ Thuật				
- Phòng Thư viện	140 m ²	1411		Đạt
Phòng hành chính				
- Phòng hiệu trưởng	39 m ²	1		Đạt
- Phòng P. Hiệu trưởng	56 m ²	2		Đạt
- Phòng kế toán	28 m ²	1		Đạt
- Phòng y tế	39 m ²	1		Đạt
- Phòng truyền thống Đội	28 m ²	1		Đạt
- Phòng Hội đồng	84 m ²			Đạt
Khu vực vệ sinh				
- Nhà vệ sinh nam	357 m ²	729		Thiếu
- Nhà vệ sinh nữ	357 m ²	690		Thiếu
Khu vực sân chơi				

- Sân bóng				
- Sân chơi ngoài trời				
- Phòng giáo dục thể chất (đa năng)	216 m ²	1411		Đạt
Trang thiết bị				
- Máy tính	72	1411		Đạt
- Tivi/Projector	10	1411		Đạt
- Thiết bị thể dục thể thao				Đủ theo quy định
- Thiết bị dạy học				Đủ theo quy định của các khối lớp và các môn học
- Sách giáo khoa		1411/1411		Đủ theo quy định

b. Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định:

Khối phòng	Tên hạng mục	Số lượng	Đối sánh so yêu cầu
Hành chính quản trị	Phòng Hiệu trưởng	1	Đủ
	Phòng Phó hiệu trưởng	2	Đủ
	Văn phòng	1	Đủ
	Phòng bảo vệ	1	Đủ
	Khu VS CB, GV, NV	6	Đủ
	Khu để xe GV	2	Đủ
Khối phòng học tập	Phòng học tập	40	Đủ
	Âm nhạc		
	Khoa học – công nghệ		
	Mỹ thuật		
	Tin học	1	Đủ
	Ngoại ngữ	3	Đủ
	Đa chức năng	1	Đủ
Khối phòng hỗ trợ học tập	Phòng họp	1	
	Phòng y tế học đường	1	
	Nhà kho		
	Khu để xe học sinh	1	1 nhà - đủ
	Khu vệ sinh học sinh	14	14 khu - đủ

	Phòng họp giáo viên	2	đủ
Khu sân chơi, thể dục thể thao	Sân trường	1	2 000 m ²
	Sân thể dục thể thao		
	Nhà đa năng	1	216 m ²
Khối phục vụ sinh hoạt	Nhà bếp	1	48
	Kho bếp	1	đủ
	Nhà ăn	1	đủ
	Nhà nội trú (phòng ngủ học sinh)	19	1034 học sinh - đủ
	Phòng quản lý học sinh		
	Phòng sinh hoạt chung		

c. Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định:

Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu				Tổng SL theo nhu cầu tối thiểu của TT 37	Hiện có	Đối sánh với yêu cầu TH tối thiểu
TT	Chủ đề dạy học	Tên thiết bị	Mục đích sử dụng			
1. MÔN TIẾNG VIỆT						
A	Tranh ảnh					
I	Chủ đề 1: Tập viết			SL theo đơn vị định mức	SL rà soát còn đang sử dụng	Đề xuất trang bị
1		Bộ mẫu chữ viết	Giúp học sinh thực hành quan sát, ghi nhớ mẫu chữ viết để viết cho đúng, đẹp.	16	0	Thiếu 16
2		Bộ chữ dạy tập viết	Giúp học sinh thực hành quan sát mẫu chữ để hình thành biểu tượng về chữ cái, nhận biết các nét cơ bản và quy trình viết một chữ cái trước khi thực hành luyện tập bằng nhiều hình thức khác nhau.	16	8	Thiếu 8
II	Chủ đề 2: Học vần					

1		Bộ thẻ chữ học vần thực hành	Giúp học sinh thực hành ghép vần, ghép tiếng, từ khóa, từ ngữ ứng dụng và thực hành vận dụng sáng tạo (ghép tiếng, từ mở rộng).	289	77	Thiếu 212
2		Bộ chữ học vần biểu diễn	Hướng dẫn quá trình học tập âm vần mới bằng trực quan sinh động, hấp dẫn.	8	0	Thiếu 8
III	Chủ đề 3: Chính tả					
1	Tên chữ cái tiếng Việt	Bảng tên chữ cái tiếng Việt	Giúp học sinh thuộc tên chữ cái tiếng Việt.	24	8	Thiếu 16
B	VIDEO/ CLIP					
I	Chủ đề 1. Tập viết					
1		Video dạy viết các chữ viết thường cỡ nhỏ theo bảng chữ cái tiếng Việt (2 kiểu: chữ đứng, chữ nghiêng)	Giúp học sinh thực hành quan sát, ghi nhớ mẫu các nét chữ viết để viết cho đúng, đẹp, kích thích hứng thú luyện viết chữ đẹp của học sinh.	16	0	Thiếu 16
2		Video dạy viết các chữ viết hoa cỡ nhỏ theo bảng chữ cái tiếng Việt (2 kiểu: chữ đứng, chữ nghiêng)	Giúp học sinh thực hành quan sát, ghi nhớ mẫu các nét chữ viết để viết cho đúng, đẹp, kích thích hứng thú luyện viết chữ đẹp của học sinh.	24	0	Thiếu 24
II	Chủ đề 2: Viết đoạn văn, bài văn					
1		Video giới thiệu, tả đồ vật	Minh họa, giúp HS quan sát, tìm hiểu các đặc điểm của đồ vật phục vụ cho hoạt động nói, viết đoạn văn giới thiệu, miêu tả đồ vật.	16	0	Thiếu 16
2		Video tả con vật, cây cối	Minh họa, giúp HS quan sát, tìm hiểu các đặc điểm của con vật, cây cối để nói, viết đoạn văn/ bài văn miêu tả.	8	0	Thiếu 8

2. MÔN TOÁN						
A	THIẾT BỊ DÙNG CHUNG					
I	HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG					
1	Hình học	Thiết bị vẽ bảng trong dạy học toán	GV sử dụng khi vẽ bảng trong dạy học Toán.	16	0	Thiếu 16
B	THIẾT BỊ THEO CÁC CHỦ ĐỀ					
I	DỤNG CỤ					
1	SỐ VÀ PHÉP TÍNH					
1.1	Số tự nhiên	Bộ thiết bị dạy chữ số và so sánh số	Giúp HS thực hành nhận biết số, đọc, viết, so sánh các số tự nhiên trong phạm vi từ 0 đến 100 (đối với lớp 1); từ 0 đến 1.000 (đối với lớp 2); từ 0 đến 100.000 (đối với lớp 3).	847	453	Thiếu 394
1.2	Phép tính	Bộ thiết bị dạy phép tính	HS thực hành cộng, trừ trong phạm vi 10, cộng trừ (không nhớ) trong phạm vi 100 đối với lớp 1;	847	153	Thiếu 694
			Giúp HS thực hành cộng, trừ (có nhớ) trong phạm vi 20, cộng, trừ (không nhớ, có nhớ) trong phạm vi 1.000;	289	77	Thiếu 212
			Phép nhân, phép chia (bảng nhân 2,5; bảng chia 2,5)	558	76	Thiếu 482
2	HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG					
2.1	Hình học	Bộ thiết bị vẽ bảng trong dạy học hình học	GV sử dụng khi vẽ bảng trong dạy học hình học.	16	0	Thiếu 16
2.2	Khối lượng	Bộ thiết bị dạy khối lượng	Giúp HS thực hành cân.	64	0	Thiếu 64
2.3	Dung tích	Bộ thiết bị dạy dung tích	Giúp HS thực hành đo dung tích.	64	0	Thiếu 64
2.4	Diện tích	Thiết bị dạy	Giúp HS thực hành đo diện tích.	48	0	Thiếu 48

		diện tích				
3	THỐNG KÊ VÀ XÁC SUẤT					
3.1	Xác suất	Bộ thiết bị dạy học yếu tố xác suất	Giúp HS khám phá, hình thành, thực hành, luyện tập về khả năng xảy ra của một sự kiện (hay hiện tượng).	66	0	Thiếu 66
II	MÔ HÌNH					
1	SỐ VÀ PHÉP TÍNH					
1.1	Phân số	Bộ thiết bị hình học dạy phân số	GV sử dụng khi dạy học về phân số.	8	0	Thiếu 8
1.2	Phân số	Bộ thiết bị hình học thực hành phân số	Giúp HS khám phá, hình thành, thực hành, luyện tập về phân số.			
2	HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG					
2.1	Hình phẳng và hình khối	Bộ thiết bị dạy hình phẳng và hình khối	- Giúp GV dạy hình phẳng và hình khối.	847	153	Thiếu 694
2.2	Mét vuông	Bộ thiết bị dạy học dạy đơn vị đo diện tích mét vuông	GV sử dụng khi dạy về diện tích.	8	0	8
2.3	Thời gian	Thiết bị trong dạy học về thời gian	Giúp HS thực hành xem đồng hồ.	24	8	Thiếu 16
III	PHẦN MỀM					
1	Hình học và đo lường	Phần mềm toán học	Phần mềm toán học hỗ trợ GV giúp HS thực hành, luyện tập các yếu tố hình học.	46	0	Thiếu 46
2	Thống kê và xác suất	Phần mềm toán học	Phần mềm toán học hỗ trợ GV giúp HS thực hành, luyện tập các yếu tố Thống kê và xác suất.	46	0	Thiếu 46
3. MÔN NGOẠI NGỮ						
I. Thiết bị dạy học ngoại ngữ thông dụng (lựa chọn 1)						
1			Phát các học liệu âm thanh.	1	0	Thiếu 1

2		Đầu đĩa	Phát học liệu hình ảnh và âm thanh cho các hoạt động nghe và nói.	1	0	Thiếu 1
3		Máy chiếu (hoặc Màn hình hiển thị)	Kết nối với máy tính và các thiết bị khác để phát âm thanh, hình ảnh.	3	0	Thiếu 3
4		Bộ máy vi tính để bàn/hoặc máy tính xách tay	Kết nối với các thiết bị ngoại vi để trình chiếu bài giảng.	1	0	Thiếu 1
5		Thiết bị âm thanh đa năng di động	Phát các học liệu âm thanh và trợ âm cho giáo viên.	1	0	Thiếu 1
6		Bộ học liệu bằng tranh		12	0	Thiếu 12
7		Bộ học liệu điện tử	Hỗ trợ giáo viên xây dựng kế hoạch dạy học, kế hoạch bài dạy (điện tử), bài giảng (điện tử), học liệu (điện tử), bài tập, bài kiểm tra đánh giá.	3	0	Thiếu 3

II. Hệ thống thiết bị dạy học ngoại ngữ chuyên dụng (lựa chọn 2 - được trang bị và lắp đặt cho 01 phòng học Bộ môn Ngoại ngữ)

1		Máy chiếu đa năng hoặc Màn hình hiển thị	Kết nối với máy tính và các thiết bị khác để phát âm thanh hình ảnh.	3	2	Thiếu 1
2		Thiết bị âm thanh đa năng di động	Phát các học liệu âm thanh và trợ âm cho giáo viên.	3	0	Thiếu 3
3		Bộ học liệu bằng tranh		12	0	Thiếu 12
4		Bộ học liệu điện tử	Hỗ trợ giáo viên xây dựng kế hoạch dạy học, kế hoạch bài dạy (điện tử), bài giảng (điện tử), học liệu (điện tử), bài tập, bài kiểm tra đánh giá.	1	0	Thiếu 1
5		Thiết bị cho học sinh	Hỗ trợ học sinh học ngoại ngữ.	120	0	Thiếu 120
6		Thiết bị dạy cho giáo	Hỗ trợ giáo viên thực hiện dạy			

		viên	học ngoại ngữ.			
6.1		Bộ máy vi tính để bàn/hoặc máy tính xách tay	Kết nối với các thiết bị ngoại vi để trình chiếu bài giảng.	3	0	Thiếu 1
6.2		Khối thiết bị điều khiển của giáo viên	Kết nối thiết bị của giáo viên và học sinh. Điều khiển, tổ chức dạy học.	3	0	Thiếu 3
6.3		Phụ kiện	Dùng để cung cấp điện cho các thiết bị và kết nối tín hiệu giữa các thiết bị	1	1	Đủ
7		Bàn, ghế dùng cho giáo viên	Giáo viên sử dụng trong quá trình dạy học	1	1	Đủ
8		Bàn, ghế dùng cho học sinh	Học sinh sử dụng trong quá trình học tập.	189	189	Đủ

4. MÔN ĐẠO ĐỨC

I	TRANH ẢNH					
1	Chủ đề: Yêu nước					
1.1	Yêu thương gia đình	Bộ tranh về Yêu thương gia đình	HS nhận biết được hành động, lời nói thể hiện tình yêu thương với mọi người trong gia đình	8	0	Thiếu 8
1.2	Quê hương em	Bộ tranh về quê hương em	HS nhận biết được một số việc làm thể hiện tình yêu quê hương em	90	0	Thiếu 90
1.3	Em yêu Tổ quốc Việt Nam	Bộ tranh/ảnh về Tổ quốc Việt Nam	HS nhận biết được Quốc kì, Quốc hiệu; hành vi, việc làm thể hiện tình yêu Tổ quốc	8	0	Thiếu 8
1.4	Biết ơn người lao động	Bộ tranh về Biết ơn người lao động	- HS nhận biết được đóng góp của người lao động trong một số lĩnh vực.	22	0	Thiếu 22
1.5	Biết ơn những người có công với quê hương đất nước.	Bộ tranh. Biết ơn những người có công với quê hương đất nước	HS thể hiện sự biết ơn với người có công với quê hương đất nước	7	0	Thiếu 7

2	Chủ đề: Nhân ái					
2.1	Quan tâm, chăm sóc người thân trong gia đình	Bộ tranh về Quan tâm, chăm sóc người thân trong gia đình	HS phân biệt được hành vi, việc làm phù hợp/chưa phù hợp thể hiện sự quan tâm, chăm sóc người thân trong gia đình.	8	0	Thiếu 8
2.2	Kính trọng thầy giáo, cô giáo và yêu quý bạn bè	Bộ tranh về Kính trọng thầy giáo, cô giáo	Giáo dục ý thức, hành vi kính trọng thầy giáo, cô giáo và yêu quý bạn bè.	45	0	Thiếu 45
2.3	Quan tâm hàng xóm láng giềng	Bộ tranh về Quan tâm hàng xóm láng giềng	HS phân biệt được hành vi, việc làm phù hợp/chưa phù hợp về quan tâm hàng xóm, láng giềng.	45	0	Thiếu 45
2.4	Cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn	Bộ tranh về Cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn	HS nhận biết được một số hành vi, việc làm thể hiện sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn.	8	0	Thiếu 8
3	Chủ đề: Chăm chỉ					
3.1	Tự giác làm việc của mình	Bộ tranh về Tự giác làm việc của mình	HS phân biệt được hành vi đúng và hành vi chưa đúng về tự giác làm việc của mình.	45	0	Thiếu 45
3.2	Quý trọng thời gian	Bộ tranh về Quý trọng thời gian	Giáo dục ý thức, hành vi quý trọng thời gian.	45	0	Thiếu 45
3.3	Yêu lao động	Bộ tranh về Yêu lao động	HS phân biệt được biểu hiện của yêu lao động với lười lao động.	45	0	Thiếu 45
4	Chủ đề: Trung thực					
4.1	Thật thà	Bộ tranh về Thật thà	Giáo dục đức tính thật thà.	8	0	Thiếu 8
4.2	Nhận lỗi và sửa lỗi	Bộ tranh về Nhận lỗi và sửa lỗi	Giáo dục ý thức, hành vi nhận lỗi và sửa lỗi.	45	0	Thiếu 45
4.3	Giữ lời hứa	Bộ tranh về Giữ lời hứa	HS nhận biết được một số biểu hiện của việc giữ lời hứa.	45	0	Thiếu 45
4.4	Tôn trọng tài sản của người khác	Bộ tranh về Tôn trọng tài sản của	HS phân biệt được hành vi đúng/chưa đúng trong việc tôn trọng tài sản của người khác.	45	0	Thiếu 45

		người khác				
5	Chủ đề: Trách nhiệm					
5.1	Sinh hoạt nền nếp	Bộ tranh về Sinh hoạt nền nếp	HS phân biệt được hành vi đúng và chưa đúng trong việc học tập, sinh hoạt đúng giờ, gọn gàng, ngăn nắp.	8	0	Thiếu 8
5.2	Thực hiện nội quy trường, lớp	Bộ tranh về Thực hiện nội quy trường, lớp	HS phân biệt được hành vi thực hiện tốt/chưa tốt nội quy trường, lớp.	8	0	Thiếu 8
5.3	Bảo quản đồ dùng cá nhân và gia đình	Bộ tranh về bảo quản đồ dùng cá nhân và gia đình	HS phân biệt được hành vi đúng và chưa đúng trong việc bảo quản đồ dùng cá nhân và gia đình.	45	0	Thiếu 45
5.4	Bảo vệ của công	Bộ tranh về bảo vệ của công	HS phân biệt được hành vi biết/chưa biết bảo vệ của công.	45	0	Thiếu 45
5.5	Bảo vệ môi trường sống	Bộ tranh về bảo vệ môi trường	HS phân biệt được hành vi bảo vệ môi trường và hành vi gây ô nhiễm môi trường.	45	0	Thiếu 45
6	Chủ đề: Kỹ năng nhận thức, quản lý bản thân					
6.1	Tự chăm sóc bản thân	Bộ tranh về tự chăm sóc bản thân	HS phân biệt được những việc nên làm/không nên làm để tự chăm sóc bản thân.	8	0	Thiếu 8
6.2	Thể hiện cảm xúc bản thân	Bộ tranh về thể hiện cảm xúc bản thân	Giáo dục kỹ năng thể hiện cảm xúc bản thân.	45	0	Thiếu 45
7	Chủ đề: Kỹ năng tự bảo vệ					
7.1	Phòng tránh tai nạn, thương tích	Bộ tranh về phòng tránh tai nạn, thương tích	Giáo dục kỹ năng tự vệ.	8	0	Thiếu 8
7.2	Tìm kiếm sự hỗ trợ	Bộ tranh về tìm kiếm sự hỗ trợ	Giáo dục kỹ năng tìm kiếm sự hỗ trợ.	45	0	Thiếu 45
7.3	Phòng tránh xâm hại	Bộ tranh về phòng tránh	HS nhận biết được một số biểu hiện của việc xâm hại trẻ em.	45	0	Thiếu 45

		xâm hại				
8	Chủ đề: Hoạt động tiêu dùng					
8.1	Quý trọng đồng tiền	Bộ thẻ về mệnh giá các đồng tiền Việt Nam	HS nêu được vai trò của tiền.	48	0	Thiếu 48
9	Chủ đề: Chuẩn mực hành vi pháp luật					
9.1	Tuân thủ quy định nơi công cộng	Bộ tranh về tuân thủ quy định nơi công cộng	HS phân biệt được hành vi tuân thủ và hành vi chưa tuân thủ quy định nơi công cộng.	45	0	Thiếu 45
9.2	Tuân thủ quy tắc an toàn giao thông	Bộ sa bàn giao thông đường bộ	HS nêu được một số quy tắc an toàn giao thông.	45	0	Thiếu 45
9.3	Quyền và bổn phận trẻ em	Bộ tranh về quyền trẻ em	HS nhận biết được một số quyền của trẻ em.	48	0	Thiếu 48
II	VIDEO/CLIP					
1	Chủ đề: Yêu nước					
1.1	Quê hương em	Video, clip Quê hương em	Giáo dục tình yêu quê hương.	8	0	Thiếu 8
1.2	Em yêu Tổ quốc Việt Nam	Video, clip Em yêu Tổ quốc Việt Nam	Giáo dục tình yêu Tổ quốc.	8	0	Thiếu 8
1.3	Biết ơn những người có công với quê hương, đất nước	Video, clip Biết ơn những người có công với quê hương, đất nước	HS thể hiện lòng biết ơn những người có công với quê hương đất nước	8	0	Thiếu 8
2	Chủ đề: Nhân ái					
2.1	Kính trọng thầy giáo, cô giáo và yêu quý bạn bè	Video, clip về kính trọng thầy giáo, cô giáo và yêu quý bạn bè	Giáo dục ý thức, hành vi kính trọng thầy giáo, cô giáo và yêu quý bạn bè	8	0	Thiếu 8
2.2	Quan tâm hàng xóm láng giềng	Video, clip về Quan	HS biết ứng xử phù hợp trong tình huống để thể hiện quan tâm	8	0	Thiếu 8

		tâm hàng xóm láng giềng	đến hàng xóm, láng giềng			
2.3	Cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn	Video, clip về cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn	HS biết ứng xử phù hợp trong tình huống để thể hiện sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn.	8	0	Thiếu 8
3	Chủ đề: Chăm chỉ					
3.1	Tự giác làm việc của mình	Video, clip Tự giác làm việc của mình	HS biết ứng xử phù hợp trong tình huống để thể hiện tự giác làm việc của mình.	8	0	Thiếu 8
3.2	Quý trọng thời gian	Video, clip Quý trọng thời gian	Giáo dục ý thức, hành vi quý trọng thời gian.	8	0	Thiếu 8
3.3	Yêu lao động	Video, clip Yêu lao động	HS biết đưa ra cách ứng xử phù hợp trong tình huống thể hiện yêu lao động.	8	0	Thiếu 8
3.4	Vượt qua khó khăn	Video, clip Vượt qua khó khăn	HS biết đưa ra cách ứng xử phù hợp trong tình huống để vượt qua khó khăn.	8	0	Thiếu 8
4	Chủ đề: Trung thực					
4.1	Thật thà	Video, clip Thật thà	HS biết đưa ra cách ứng xử phù hợp trong tình huống để thể hiện đức tính thật thà.	8	0	Thiếu 8
4.2	Nhận lỗi và sửa lỗi	Video, clip Nhận lỗi và sửa lỗi	Giáo dục ý thức, hành vi nhận lỗi và sửa lỗi.	8	0	Thiếu 8
4.3	Giữ lời hứa	Video, clip Giữ lời hứa	HS biết đưa ra cách ứng xử phù hợp trong tình huống để thực hiện lời hứa.	8	0	Thiếu 8
4.4	Tôn trọng tài sản của người khác	Video, clip Tôn trọng tài sản của người khác	HS biết đưa ra cách ứng xử phù hợp trong tình huống để thể hiện tôn trọng tài sản của người khác.	8	0	Thiếu 8
4.5	Bảo vệ cái đúng, cái tốt	Video, clip Bảo vệ cái đúng, cái tốt	HS biết đưa ra cách ứng xử phù hợp trong tình huống để bảo vệ cái đúng, cái tốt.	8	0	Thiếu 8
5	Chủ đề: Trách nhiệm					

5.1	Bảo quản đồ dùng cá nhân và gia đình	Video, clip Bảo quản đồ dùng cá nhân	Giáo dục phẩm chất trách nhiệm	8	0	Thiếu 8
5.2	Bảo vệ môi trường sống	Video, clip Bảo vệ môi trường sống	HS biết đưa ra cách ứng xử phù hợp trong tình huống để bảo vệ môi trường sống.	8	0	Thiếu 8
6	Chủ đề: Kỹ năng nhận thức, quản lí bản thân					
6.1	Lập kế hoạch cá nhân	Video, clip Lập kế hoạch cá nhân	HS biết cách lập kế hoạch cá nhân trong một số tình huống cụ thể.	8	0	Thiếu 8
7	Chủ đề: Kỹ năng tự bảo vệ					
7.1	Tìm kiếm sự hỗ trợ	Video, clip Tìm kiếm sự hỗ trợ	HS biết cách tìm kiếm sự hỗ trợ trong một số tình huống cụ thể.	8	0	Thiếu 8
7.2	Xử lí bất hòa với bạn bè	Video, clip Xử lí bất hòa với bạn bè	HS biết đưa ra cách ứng xử phù hợp trong tình huống để xử lí bất hòa với bạn bè.	8	0	Thiếu 8
7.3	Phòng tránh xâm hại	Video, clip Phòng tránh xâm hại	HS biết cách phòng tránh nguy cơ bị xâm hại.	8	0	Thiếu 8
8	Chủ đề: Chuẩn mực hành vi pháp luật					
8.1	Tuân thủ quy định nơi công cộng	Video, clip Tuân thủ quy định nơi công cộng	Giáo dục ý thức tuân thủ quy định nơi công cộng.	8	0	Thiếu 8
5. MÔN TN&XH						
I	TRANH ẢNH					
1	Chủ đề 1. Gia đình					
1.1	Các thế hệ trong gia đình	Bộ tranh các thế hệ trong gia đình	HS thực hành xây dựng sơ đồ các thế hệ trong gia đình.	90	0	Thiếu 90
1.2	Nghề nghiệp của người lớn trong gia đình	Bộ tranh về nghề nghiệp phổ biến trong xã hội	Giúp học sinh hình thành được biểu tượng ban đầu về một số nghề nghiệp phổ biến trong xã hội	98	0	Thiếu 98
1.3	Phòng tránh hỏa hoạn khi ở nhà	Tranh hướng dẫn	Giúp HS nhận biết các cách ứng xử khi có cháy xảy ra.	45	0	Thiếu 45

		cách ứng xử khi có cháy xảy ra.				
2	Chủ đề 3: Cộng đồng địa phương					
2.1	Hoạt động mua bán hàng hóa	Bộ thẻ Mệnh giá tiền Việt Nam	Giúp học sinh thực hành, sử dụng trong hoạt động tập mua bán hàng hóa.			
2.2	Một số hoạt động sản xuất	Bộ tranh về nghề nghiệp phổ biến trong xã hội	Giúp học sinh hình thành được biểu tượng ban đầu về một số nghề; Phân biệt được các hoạt động sản xuất nông nghiệp, thủ công, công nghiệp.	45	0	Thiếu 45
3	Chủ đề 5: Con người và sức khỏe					
3.1	Các bộ phận bên ngoài và giác quan của cơ thể	Bộ tranh: Cơ thể người và các giác quan	Giúp học sinh hình thành năng lực tìm tòi khám phá kiến thức thông qua quan sát.	8	0	Thiếu 8
3.2	Các bộ phận bên ngoài và giác quan của cơ thể	Bộ tranh: Những việc nên và không nên làm để phòng tránh tật cận thị học đường	Giúp học sinh hình thành năng lực tìm tòi khám phá kiến thức thông qua quan sát; vận dụng kiến thức đã học vào thực tế cuộc sống.	8	0	Thiếu 8
3.3	Các bộ phận bên ngoài và giác quan của cơ thể	Bộ tranh: Các việc cần làm để giữ vệ sinh cá nhân	Giúp học sinh hình thành năng lực tìm tòi khám phá kiến thức thông qua quan sát; vận dụng kiến thức đã học vào thực tế cuộc sống.	8	0	Thiếu 8
3.4	Giữ cho cơ thể khỏe mạnh và an toàn	Bộ tranh về phòng tránh bị xâm hại	Giúp học sinh hình thành năng lực tìm tòi khám phá kiến thức thông qua quan sát; vận dụng kiến thức đã học vào thực tế cuộc sống.	8	0	Thiếu 8
3.5	Cơ quan vận động	Bộ xương	Giúp học sinh tìm tòi khám phá kiến thức thông qua quan sát.	14	0	Thiếu 14
3.6	Cơ quan vận động	Hệ cơ	Giúp học sinh tìm tòi khám phá kiến thức thông qua quan sát.	14	0	Thiếu 14
3.7	Cơ quan hô hấp	Các bộ phận chính	Giúp học sinh tìm tòi khám phá kiến thức thông qua quan sát.	14	0	Thiếu 14

		của cơ quan hô hấp				
3.8	Cơ quan bài tiết nước tiểu	Các bộ phận chính của cơ quan bài tiết nước tiểu	Giúp học sinh tìm tòi khám phá kiến thức thông qua quan sát.	14	0	Thiếu 14
3.9	Cơ quan tiêu hóa	Các bộ phận chính của cơ quan tiêu hóa	Giúp học sinh tìm tòi khám phá kiến thức thông qua quan sát.	45	0	Thiếu 45
3.10	Cơ quan tuần hoàn	Các bộ phận chính của cơ quan tuần hoàn	Giúp học sinh tìm tòi khám phá kiến thức thông qua quan sát.	45	0	Thiếu 45
3.11	Cơ quan thần kinh	Các bộ phận chính của cơ quan thần kinh	HS tìm tòi khám phá kiến thức thông qua quan sát.	45	0	Thiếu 45
4	Chủ đề 6: Trái Đất và bầu trời					
4.1	Các mùa trong năm	Bốn mùa	HS tìm tòi khám phá kiến thức thông qua quan sát.	45	0	Thiếu 45
4.2	Các mùa trong năm	Mùa mưa và mùa khô	HS tìm tòi khám phá kiến thức thông qua quan sát.	45	0	Thiếu 45
4.3	Các hiện tượng thiên tai thường gặp	Một số hiện tượng thiên tai thường gặp	HS tìm tòi khám phá kiến thức thông qua quan sát.	45	0	Thiếu 45
II	MÔ HÌNH, MẪU VẬT					
1	Chủ đề 3: Cộng đồng địa phương					
1.1	Hoạt động giao thông	Bộ sa bàn giáo dục giao thông	Giúp học sinh tìm tòi khám phá kiến thức thông qua quan sát; vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.	49	49	Thiếu 0
2	Chủ đề 5: Con người và sức khỏe					
2.1	Cơ quan vận động	Mô hình Bộ xương	Giúp học sinh tìm tòi khám phá mô hình Bộ xương người.	2	0	Thiếu 2

2.2	Cơ quan vận động	Mô hình Hệ cơ	Giúp học sinh tìm tòi khám phá mô hình hệ cơ người.	2	0	Thiếu 2
2.3	Cơ quan hô hấp	Mô hình giải phẫu cơ quan nội tạng (bản thân)	Giúp học sinh hình thành năng lực tìm tòi khám phá mô hình giải phẫu cơ quan nội tạng người.	4	0	Thiếu 4
3	Chủ đề 6: Trái Đất và bầu trời					
3.1	Một số đặc điểm của Trái Đất	Quả địa cầu	HS thực hành quan sát mô hình thu nhỏ của Trái Đất	45	0	Thiếu 45
III	DỤNG CỤ					
1	Chủ đề 6: Trái Đất và bầu trời					
1.1	Phương hướng	La bàn	HS thực hành xác định phương hướng bằng la bàn	45	0	Thiếu 45
IV	VIDEO/CLIP					
1	Các hiện tượng thiên tai thường gặp	Bộ các Video/Clip	Cung cấp cho học sinh về kiến thức và kỹ năng phòng tránh	2	0	Thiếu 2
2	Con người và sức khỏe	Bộ các Video/Clip	Giúp học sinh tìm tòi khám phá các cơ quan trong cơ thể người	10	0	Thiếu 10
6. MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ						
A	THIẾT BỊ DÙNG CHUNG					
I		Bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam	HS xác định vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ của Việt Nam; Chỉ một số dãy núi chính, một số con sông chính, một số cao nguyên và một số mỏ khoáng sản của Việt Nam.	16	0	Thiếu 16
II		Bản đồ hành chính Việt Nam	HS xác định vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ Việt Nam và vị trí các tỉnh/thành phố Việt Nam.	16	0	Thiếu 16
III		Bản đồ các nước và lãnh thổ trên thế giới	HS xác định vị trí địa lí của một số nước trên thế giới.	16	0	Thiếu 16
B	THIẾT BỊ DÙNG CHO LỚP 4					
I	TRANH ẢNH					
1	Chủ đề: TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ					

1.1	Thiên nhiên	Bộ tranh/ ảnh: Một số dạng địa hình ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ	HS mô tả một số dạng địa hình tiêu biểu ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.	8	0	Thiếu 8
2	Chủ đề: ĐỒNG BANG BẮC BỘ					
2.1	Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hóa	Tranh/ ảnh: Đê sông Hồng	HS mô tả đê ven sông để ngăn lũ.	8	0	Thiếu 8
3	Chủ đề: DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG					
3.1	Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hóa	Bộ tranh/ ảnh: Di sản thế giới ở vùng duyên hải miền Trung	HS nhận biết các di sản thế giới ở vùng duyên hải miền Trung.	8	0	Thiếu 8
4	Chủ đề: TÂY NGUYÊN					
4.1	Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hóa	Bộ tranh/ ảnh: Hoạt động kinh tế ở vùng Tây Nguyên	HS biết một số hoạt động kinh tế chủ yếu ở vùng Tây Nguyên.	8	0	Thiếu 8
4.2	Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hóa	Bộ tranh/ ảnh: Lễ hội Cồng Chiêng Tây Nguyên	HS biết một số hoạt động chính của lễ hội Cồng chiêng Tây Nguyên.	8	0	Thiếu 8
5	Chủ đề: NAM BỘ					
5.1		Tranh/ảnh: Sự chung sống hài hòa với thiên nhiên của người dân Nam	HS mô tả sự chung sống hài hòa với thiên nhiên của người dân ở Nam Bộ.	8	0	Thiếu 8

		Bộ				
II	BẢN ĐỒ/LƯỚI ĐỒ/ SƠ ĐỒ					
1	Chủ đề: TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ					
1.1		Bản đồ tự nhiên vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ	- HS xác định vị trí địa lí:	8	8	Thiếu 0
1.2		Sơ đồ quần thể khu di tích Đền Hùng	- HS biết xác định:	8	8	Thiếu 0
2	Chủ đề: ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ					
2.1		Bản đồ tự nhiên vùng Đồng bằng Bắc Bộ	- HS xác định vị trí địa lí:	8	8	Thiếu 0
2.2	Văn Miếu - Quốc Tử Giám	Sơ đồ khu di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám	- HS biết xác định:	8	8	Thiếu 0
3	Chủ đề: DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG					
3.1		Bản đồ tự nhiên vùng Duyên hải miền Trung	- HS xác định vị trí địa lí:	8	8	Thiếu 0
4	Chủ đề: TÂY NGUYÊN					
4.1		Bản đồ tự nhiên vùng Tây Nguyên	- HS xác định vị trí: Vùng Tây Nguyên; Các cao nguyên, con sông chính ở Tây Nguyên	8	8	Thiếu 0
5	Chủ đề: NAM BỘ					
5.1		Bản đồ tự nhiên vùng Nam Bộ	- HS xác định vị trí địa lí:	8	0	Thiếu 8
III	VIDEO/CLIP					

1	Chủ đề: TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ				
1.1		Video/clip : Một số cách thức khai thác tự nhiên ở vùng trung du và miền núi Bắc Bộ	HS biết một số cách khai thác tự nhiên ở vùng trung du và miền núi Bắc Bộ.	8	0 Thiếu 8
2	Chủ đề: ĐỒNG BANG BẮC BỘ				
2.1	Sông Hồng và văn minh sông Hồng	Phim tư liệu/mô phỏng: Một số thành tựu tiêu biểu văn minh sông Hồng	- HS biết một số thành tựu tiêu biểu của văn minh sông Hồng	8	0 Thiếu 8
3	Chủ đề: DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG				
3.1	Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hóa	Video/clip : Một số hoạt động kinh tế biển ở vùng duyên hải miền Trung	HS biết một số hoạt động kinh tế biển ở vùng duyên hải miền Trung.	8	0 Thiếu 8
3.2	Cố đô Huế	Video/clip : Danh lam thắng cảnh ở cố đô Huế	HS biết vẻ đẹp của thiên nhiên và một số di tích lịch sử ở cố đô Huế.	8	0 Thiếu 8
4	Chủ đề: TÂY NGUYÊN				
4.1		Video/clip : Lễ hội cồng chiêng	HS biết một số hoạt động chính của lễ hội cồng chiêng Tây Nguyên.	8	0 Thiếu 8
5	Chủ đề: NAM BỘ				

5.1	Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hóa	Video/clip : Sự chung sống hài hòa với thiên nhiên của người dân Nam Bộ	HS mô tả sự chung sống hài hòa với thiên nhiên của người dân ở Nam Bộ.	8	0	Thiếu 8
C	THIẾT BỊ DÙNG CHO LỚP 5					
I	TRANH ẢNH					
1	Chủ đề: NHỮNG QUỐC GIA ĐẦU TIÊN TRÊN LÃNH THỔ VIỆT NAM					
1.1	Văn Lang - Âu Lạc	Tranh/ảnh: Nhà nước Văn Lang - Âu Lạc	HS mô tả một số thành tựu luyện kim và xây thành của cư dân Văn Lang - Âu Lạc.			
1.2	Phù Nam	Tranh/ảnh: Hiện vật khảo cổ học của Phù Nam	HS mô tả một số hiện vật khảo cổ của Phù Nam.			
1.3	Champa	Tranh/ảnh: Đền tháp Champa	HS mô tả một số đền tháp Champa còn lại đến ngày nay.			
2	Chủ đề: XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM					
2.1	Cách mạng tháng Tám năm 1945	Tranh/ảnh: Cách mạng tháng Tám năm 1945	HS biết thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở một số địa phương			
2.2	Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954	Tranh/ảnh: Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954	HS nhận biết một số sự kiện của chiến dịch Điện Biên Phủ			
2.3	Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975	Tranh/ảnh: Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975	HS biết một số sự kiện trong chiến dịch Hồ Chí Minh			

II	BẢN ĐỒ/LƯỢC ĐỒ					
1	Chủ đề: XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM					
1.1	Khởi nghĩa Lam Sơn và triều hậu Lê	Lược đồ chiến thắng Chi Lăng	HS biết đọc các thông tin trên lược đồ và trình bày về chiến thắng ở ải Chi Lăng của quân dân Đại Việt			
1.2	Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954	Lược đồ chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954	HS biết đọc các thông tin trên lược đồ và trình bày về chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954			
1.3	Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975	Lược đồ chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975	HS biết đọc các thông tin trên lược đồ và trình bày diễn biến chính của chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975.			
2	Chủ đề: CÁC NƯỚC LĂNG GIỀNG					
2.1	Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (Trung Quốc)	Bản đồ tự nhiên Trung Quốc	HS biết vị trí địa lí, một số đặc điểm cơ bản về tự nhiên của Trung Quốc.			
2.2	Nước Cộng hoà Dân chủ nhân dân Lào	Bản đồ tự nhiên nước Lào	HS biết vị trí địa lí, một số đặc điểm cơ bản về tự nhiên của Lào.			
2.3	Vương quốc Campuchia	Bản đồ tự nhiên nước Campuchia	HS biết vị trí địa lí, một số đặc điểm cơ bản về tự nhiên của Campuchia.			
2.4	Hiệp hội các nước Đông Nam Á	Bản đồ Hành chính - Chính trị Đông Nam Á	HS xác định vị trí địa lí của khu vực Đông Nam Á và các nước trong khu vực Đông Nam Á.			
III	VIDEO/CLIP					
1	Chủ đề : NHỮNG QUỐC GIA ĐẦU TIÊN TRÊN LÃNH THỔ VIỆT NAM					
1.1	Văn Lang - Âu Lạc	Phim mô phỏng: Nước Văn Lang - Âu Lạc	HS biết các hoạt động kinh tế và đấu tranh bảo vệ quốc			

I		PHÒNG THỰC HÀNH TIN HỌC				
1		Máy chủ	Quản lý, kết nối mạng cho các máy của HS và lưu trữ các phần mềm, học liệu phục vụ dạy và học.	1	1	Đủ
2		Máy tính để bàn hoặc máy tính xách tay	Dạy, học và thực hành	40	30	Thiếu 10
3		Thiết bị kết nối mạng và đường truyền Internet	Đề kết nối mạng LAN, Internet và dạy học	1	1	Đủ
4		Bàn để máy tính, ghế ngồi		20	15	Thiếu 5
5		Hệ thống điện	Cung cấp điện cho các máy tính và các thiết bị khác	1	1	Đủ
6		Tủ lưu trữ	Lưu trữ			
7		Máy in Laser	Hỗ trợ dạy và học	1	0	Thiếu 1
8		Máy chiếu (hoặc Màn hình hiển thị)	Hỗ trợ dạy và học	1	0	Đủ
9		Điều hòa nhiệt độ/ Quạt điện	Ổn định nhiệt độ cho phòng máy và đảm bảo sức khỏe cho GV, HS	2	1	Thiếu 1
10		Thiết bị lưu trữ ngoài	Dùng để sao lưu các dữ liệu quan trọng, phần mềm cơ bản, thiết yếu	1	0	Thiếu 1
11		Bộ dụng cụ sửa chữa, bảo dưỡng máy tính cơ bản	Dùng để bảo trì và sửa chữa máy tính	1	0	Thiếu 1
12		Máy hút bụi		1	0	Thiếu 1
13		Bộ lưu điện	Lưu điện dự phòng cho máy chủ	1	1	Đủ
II	PHẦN MỀM					

1	Tất cả các chủ đề					
1.1		Hệ điều hành	Dạy và học, quản lý hoạt động máy tính	1	1	Đủ
1.2		Phần mềm tin học văn phòng	Dạy và học và phục vụ các công việc chung	1	1	Đủ
1.3		Phần mềm duyệt web	Dạy và học	1	1	Đủ
1.4		Phần mềm diệt virus	Bảo vệ hoạt động máy tính	1	1	Đủ
1.5		Các loại phần mềm ứng dụng khác	Khai thác, sử dụng phần mềm ứng dụng trong quá trình dạy, học	1	1	Đủ
2	Chủ đề: Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi thông tin					
2.1		Phần mềm tìm kiếm thông tin	Dạy và học	1	1	Đủ
3	Chủ đề: Ứng dụng tin học					
3.1		Phần mềm luyện tập sử dụng chuột máy tính	Dạy và học	1	1	Đủ
3.2		Phần mềm luyện tập gõ bàn phím	Dạy và học	1	1	Đủ
3.3		Phần mềm đồ họa	Dạy và học	1	1	Đủ
4	Chủ đề: Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính					
4.1		Phần mềm lập trình trực quan	Dạy và học	1	1	Đủ
8. MÔN CÔNG NGHỆ						
A	THIẾT BỊ DÙNG CHUNG					
1		Bộ lắp ghép mô hình kĩ thuật	Giúp HS thực hành lắp ghép các mô hình kĩ thuật	48	0	Thiếu 48
2		Bộ dụng cụ thủ công	Giúp HS thực hành các nội dung thủ công	160	0	160
3		Bộ dụng cụ chăm sóc hoa, cây cảnh	Giúp HS thực hành chăm sóc hoa, cây cảnh	1	0	1

4		Máy thu thanh	Dùng trong thực hành máy thu thanh			
5		Ti vi	Dùng trong thực hành máy thu bình			
6		Máy tính (để bàn hoặc xách tay)	Dùng trong minh họa, hướng dẫn thực hành Công nghệ			
B	THIẾT BỊ THEO CÁC CHỦ ĐỀ					
I	Tranh ảnh					
1	Sử dụng đèn học					
1.1		Đèn học	Giúp HS nhận biết được các bộ phận chính của đèn học	8	0	Thiếu 8
1.2		Mất an toàn khi sử dụng đèn học	Giúp HS nhận biết được một số tình huống mất an toàn khi sử dụng đèn học	8	0	Thiếu 8
2	Sử dụng quạt điện					
2.1		Quạt điện	Giúp HS nhận biết được các bộ phận chính của quạt điện	8	0	Thiếu 8
2.2		Mất an toàn khi sử dụng quạt điện	Giúp HS nhận biết được một số tình huống mất an toàn khi sử dụng quạt điện	8	0	Thiếu 8
3	Sử dụng máy thu thanh					
		Mối quan hệ đài phát thanh và máy thu thanh	Giúp HS nhận biết được mối quan hệ giữa đài phát thanh và máy thu thanh	8	0	Thiếu 8
4	Sử dụng máy thu hình					

		Mối quan hệ đài truyền hình và máy thu hình (tỉ lệ)	Giúp HS nhận biết được mối quan hệ giữa đài truyền hình và máy thu hình	8	0	Thiếu 8
5	Trồng hoa và cây cảnh trong chậu					
		Quy trình các bước gieo hạt, trồng cây con trong chậu	Giúp HS nhận biết được các bước gieo hạt, trồng cây con trong chậu			
6	Sử dụng tủ lạnh					
		Các khoang trong Tủ lạnh	Giúp HS nhận biết vị trí các khoang khác nhau trong tủ lạnh và cách sử dụng tủ lạnh			
7	Lắp ráp mô hình máy phát điện gió					
		Mô hình máy phát điện gió	Giúp HS nhận biết một số chi tiết chính của bộ lắp ráp mô hình máy phát điện			
8	Lắp ráp mô hình điện mặt trời					
		Mô hình điện mặt trời	Giúp HS nhận biết một số chi tiết chính của bộ lắp ráp mô hình điện mặt trời			
II	MÔ HÌNH, MẪU VẬT					
1	Sử dụng đèn học					
		Đèn học	Giúp HS thực hành tìm hiểu cấu tạo và kiểu dáng của một số đèn học	40	0	Thiếu 40
2	Sử dụng quạt điện					
		Quạt bàn	Giúp HS thực hành tìm hiểu cấu tạo và kiểu	40	0	Thiếu 40

			dáng một số quạt bàn			
III	VIDEO/CLIP					
1	Lắp ghép mô hình kĩ thuật					
		Lắp ráp mô hình kĩ thuật	Giúp HS tìm hiểu về cách lắp ráp một số mô hình kĩ thuật	8	0	Thiếu 8
2	Vai trò của công nghệ					
		Công nghệ trong đời sống	Giúp HS tìm hiểu về công nghệ trong đời sống			
3	Nhà sáng chế					
		Một số nhà sáng chế nổi tiếng	Giúp HS tìm hiểu về một số nhà sáng chế nổi tiếng			
4	Tìm hiểu thiết kế					
		Các công việc chính khi thiết kế	Giúp HS tìm hiểu về một số công việc chính khi thiết kế			
5	Sử dụng tủ lạnh					
		Sử dụng tủ lạnh	Giúp HS tìm hiểu về một số cách sắp xếp, bảo quản thực phẩm trong tủ lạnh			
9. MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT						
I	THIẾT BỊ DÙNG CHUNG					
1		Đồng hồ bấm giây	Dùng để đo thành tích, so sánh thời gian ở đơn vị nhỏ hơn giây	3	2	Thiếu 1
2		Còi	Dùng để ra tín	9	6	Thiếu 3

			hiệu âm thanh trong hoạt động dạy, học			
3		Thước dây	Dùng để đo khoảng cách trong hoạt động dạy, học.	3	2	Thiếu 1
4		Cờ lệnh thể thao	Dùng để ra tín hiệu trong hoạt động dạy, học	12	4	Thiếu 8
5		Biên lật số	Dùng để ghi điểm số trong các hoạt động chơi trò chơi, thi đua, thi đấu tập.	3	0	Thiếu 3
6		Năm thể thao	Xác định các vị trí trong hoạt động dạy, học.	60	20	Thiếu 40
7		Bơm	Dùng để bơm hơi các thiết bị, dụng cụ	2	0	Thiếu 2
8		Dây nhảy cá nhân	Dùng để luyện tập, bổ trợ thể lực, vui chơi	60	20	Thiếu 40
9		Dây nhảy tập thể		3	0	Thiếu 3
10		Dây kéo co		2	0	Thiếu 2
II	THIẾT BỊ THEO CHỦ ĐỀ					
1	Tư thế và kĩ năng vận động cơ bản					
1.1		Cầu thăng bằng thấp	Dùng cho hoạt động giảng dạy của GV và tập luyện các kĩ năng thăng bằng của HS.	6	0	Thiếu 2
1.2		Thảm xóp	Dùng cho hoạt động giảng dạy của GV và tập luyện kĩ năng quỳ, ngồi, lăn, lộn của HS.	20	0	Thiếu 20
1.3		Thang chữ A	Dùng cho hoạt động giảng dạy của GV và tập	1	0	Thiếu 1

			luyện kĩ năng leo, trèo của HS.			
2	Bài thể dục					
2.1		Hoa	Dùng cho hoạt động giảng dạy của GV và tập luyện Bài thể dục của HS.	105	0	Thiếu 105
2.2		Vòng		105	0	Thiếu 105
2.3		Gậy		105	0	Thiếu 105
III	THIẾT BỊ DẠY HỌC MÔN THỂ THAO TỰ CHỌN					
(Chỉ trang bị những dụng cụ/thiết bị tương ứng, phù hợp với môn thể thao được nhà trường lựa chọn)						
1	Bóng đá					
1.1		Quả bóng đá	Dùng cho hoạt động giảng dạy của GV và tập luyện kĩ thuật, thực hành của HS môn Bóng đá	60	20	Thiếu 40
1.2		Cầu môn		2	1	Thiếu 1
2	Bóng rổ					
2.1		Quả bóng rổ	Dùng cho hoạt động giảng dạy của GV và tập luyện kĩ thuật, thực hành của HS môn Bóng rổ	60	10	Thiếu 20
2.2		Cột, bảng bóng rổ		2	1	Thiếu 1
3	Bóng chuyền hơi					
3.1		Quả bóng	Dùng cho hoạt động giảng dạy của GV và tập luyện kĩ thuật, thực hành của HS môn bóng chuyền hơi	60	0	Thiếu 20
3.2		Cột và lưới		2	0	Thiếu 1

4	Đá cầu					
4.1		Quả cầu đá	Dùng cho hoạt động giảng dạy của GV và tập luyện kĩ thuật, thực hành của HS môn Đá cầu	90	20	Thiếu 70
4.2		Cột, lưới		3	0	Thiếu 2
5	Cờ Vua					
5.1		Bàn và quân cờ	Dùng cho HS học và tập luyện môn Cờ vua	20	0	Thiếu 20
5.2		Bàn và quân cờ treo tường	Dùng cho GV giảng dạy môn Cờ vua	3	2	Thiếu 0
6	Võ					
6.1		Địch đấm, đá (cầm tay)	Dùng cho hoạt động giảng dạy của GV và tập luyện tập, thực hành của HS phù hợp với đặc điểm từng môn Võ thuật	30	0	Thiếu 0
6.2		Thảm xốp		0	0	Đủ
7	Bơi					
7.1		Phao bơi	Dùng cho hoạt động giảng dạy của GV và tập luyện kĩ thuật, thực hành của HS môn Bơi.	20	0	Thiếu 0
7.2		Sào cứu hộ		2	0	Thiếu 0
7.3		Phao cứu sinh		6	0	Thiếu 0
8	Thể dục Aerobic					
8.1		Thảm xốp	Dùng cho hoạt động giảng dạy của GV và tập luyện kĩ thuật, thực hành của HS nội dung Thể dục	0	0	Đủ

			Aerobic			
8.2		Thiết bị âm thanh đa năng di động		0	0	Đủ
9	Khiêu vũ thể thao	Thiết bị âm thanh đa năng di động	Dùng cho hoạt động giảng dạy của GV và tập luyện kỹ thuật, thực hành của HS môn Khiêu vũ thể thao	0	0	Đủ
10. MÔN KHOA HỌC						
I	Tranh, ảnh					
1	Chất					
1.1	Nước	Sơ đồ vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên	HS thực hành, tìm hiểu về các thành phần và quá trình trong "Vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên"	8	0	Thiếu 8
2	Năng lượng					
2.1	Ánh sáng	Bộ tranh về bảo vệ mắt	HS thực hành, tìm hiểu về những việc nên làm và không nên làm để tránh ánh sáng quá mạnh chiếu vào mắt; không đọc, viết dưới ánh sáng quá yếu.	48	0	Thiếu 48
2.2	Năng lượng điện	Bộ tranh an toàn về điện	HS thực hành, tìm hiểu về những việc nên làm và không nên làm để đảm bảo an toàn về điện			
3	Thực vật và động vật					
3.1	Nhu cầu sống của thực vật và động vật	Sơ đồ về sự trao đổi khí, nước, chất khoáng của thực vật	HS thực hành, tìm hiểu về sự trao đổi khí, nước, chất			

		với môi trường	khoảng của thực vật với môi trường			
3.2	Sự sinh sản ở thực vật và động vật	Sơ đồ: Các bộ phận của hoa	HS thực hành, tìm hiểu về các bộ phận của hoa.			
4	Con người và sức khỏe					
4.1	Dinh dưỡng ở người	Tháp dinh dưỡng	HS tìm hiểu về dinh dưỡng hợp lý cho trẻ em từ 6 đến 11 tuổi.			
II	Video/clip					
1	Chất					
1.1	Nước	Xử lý nước cấp cho sinh hoạt	HS tìm hiểu về các bước cơ bản xử lý nước ngầm hoặc nước bề mặt thành nước cấp cho sinh hoạt tại các nhà máy nước.	8	0	Thiếu 8
1.2		Ô nhiễm, xói mòn đất	HS tìm hiểu về nguyên nhân, tác hại và biện pháp chống ô nhiễm, xói mòn đất.			
III	Dụng cụ					
1	Chất					
1.1	Không khí	Hộp đối lưu	HS thực hiện thí nghiệm, tìm hiểu về sự di chuyển của không khí tạo thành gió	8	0	Thiếu 8
1.2	Không khí	Bộ thí nghiệm không khí cần cho sự cháy	HS tìm hiểu về không khí cần cho sự cháy	8	0	Thiếu 8
2	Năng lượng					

2.1	Ánh sáng	Hộp thí nghiệm "Vai trò của ánh sáng"	HS thực hành, tìm hiểu ánh sáng cần cho sự nhìn thấy	8	0	Thiếu 8
2.2	Điện	Bộ lắp mạch điện đơn giản	HS tìm hiểu về mạch điện; thực hành lắp mạch điện đơn giản			
2.3	Năng lượng mặt trời, gió và nước chảy	Mô hình phát điện sử dụng năng lượng Mặt Trời, năng lượng gió hoặc năng lượng nước chảy	HS tìm hiểu về sử dụng năng lượng Mặt Trời, năng lượng gió, năng lượng nước chảy để phát điện			
2.4	Nhiệt	Nhiệt kế	Đo nhiệt độ	48	0	Thiếu 48
2.5	Nhiệt	Nhiệt kế đo nhiệt độ cơ thể	Đo nhiệt độ cơ thể	48	0	Thiếu 48
2.6	Nấm	Kính lúp	HS thực hành, quan sát nấm	48	0	Thiếu 48
IV	Thiết bị phòng học bộ môn					
1		Máy chiếu (hoặc Màn hình hiển thị)	Trình chiếu			

11. MÔN NGHỆ THUẬT (ÂM NHẠC)

I	Nhạc cụ thể hiện tiết tấu					
1		Trống nhỏ	HS luyện tập tiết tấu	15	15	Thiếu 0
2		Song loan	HS luyện tập tiết tấu	56	56	Thiếu 0
3		Thanh phách	HS luyện tập tiết tấu	70	15	Thiếu 0
4		Triangle	HS luyện tập tiết tấu	10	15	Thiếu 0
5		Tambourine	HS luyện tập tiết tấu	20	12	Thiếu 8
6		Bells Instrument	HS luyện tập tiết tấu	10	10	Thiếu 0
7		Maracas	HS luyện tập tiết tấu	10	10	Thiếu 0

8		Woodblock	HS luyện tập tiết tấu	10	10	Thiếu 0
II	Nhạc cụ thể hiện giai điệu					
1		Kèn phím	HS luyện tập giai điệu	20	0	Thiếu 10
2		Recorder	HS luyện tập giai điệu	40	0	Thiếu 40
3		Xylophone	HS luyện tập giai điệu	10	0	Thiếu 10
4		Handbells	HS luyện tập giai điệu theo nhóm	2	0	Thiếu 2
5		Electric keyboard	GV thực hành, làm mẫu, giảng dạy	2	0	Thiếu 2
III	Thiết bị dùng chung cho các nội dung					
1		Thiết bị âm thanh đa năng di động	GV và HS sử dụng khi nghe nhạc và các hoạt động âm nhạc khác	2	0	Thiếu 2
12. MÔN NGHỆ THUẬT (MỸ THUẬT)						
I	THIẾT BỊ DÙNG CHUNG (trang bị cho một phòng học bộ môn)					
1		Bảng vẽ cá nhân	Học sinh thực hành	35	35	Đủ
2		Giá vẽ (3 chân hoặc chữ A)	Đặt bảng vẽ cá nhân	35	35	Đủ
3		Bục đặt mẫu	- Đặt mẫu để học sinh quan sát, thực hành.	4	4	Đủ
4		Các hình khối cơ bản	Học sinh quan sát và thực hành	1	1	Đủ
5		Máy tính (để bàn hoặc xách tay)	Dùng cho giáo viên tìm kiếm tư liệu và trình chiếu hình ảnh	2	0	
6		Máy chiếu (hoặc Màn hình hiển thị)	Trình chiếu, minh họa hình ảnh trực quan	2	0	

7		Thiết bị âm thanh đa năng di động	Dùng cho một số nội dung kết hợp âm nhạc trong các hoạt động mỹ thuật	2	0	
8		Kẹp giấy	Kẹp giấy vẽ cố định vào bảng vẽ	12	12	Thiếu 0
9		Tủ/giá	Bảo quản sản phẩm, đồ dùng, công cụ học tập	3	3	Thiếu 0
10		Bút lông	Học sinh thực hành	70	0	Thiếu 70
11		Bảng pha màu (Palet)	Học sinh thực hành	70	0	Thiếu 70
12		Xô đựng nước	Học sinh thực hành	70	0	Thiếu 70
13		Tạp dề	Giúp HS giữ sạch trang phục trong thực hành	70	0	Thiếu 70
14		Bộ công cụ thực hành với đất nặn	Học sinh thực hành	70	0	Thiếu 70
15		Đất nặn	Học sinh thực hành	12	0	Thiếu 12
16		Màu Goát (Gouache colour)	Học sinh thực hành	24	0	Thiếu 24
II	TRANH ẢNH PHỤC VỤ KIẾN THỨC CƠ BẢN (trang bị cho một phòng học bộ môn)					
1		Tranh về màu sắc	HS nhận biết màu cơ bản, màu thứ cấp, gam màu nóng, gam màu lạnh	70	0	Thiếu 70
2		Bảng yếu tố và nguyên lý tạo hình	Học sinh hiểu được các yếu tố và nguyên lý tạo hình	70	0	Thiếu 70
3		Hoa văn, họa tiết dân tộc	Học sinh vận dụng hoa văn, họa tiết dân tộc vào bài thực hành	70	0	Thiếu 70

13. MÔN HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM						
A	THIẾT BỊ DÙNG CHUNG					
1		Bộ học liệu điện tử	Giúp giáo viên xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động (giáo án) điện tử, chuẩn bị bài giảng điện tử, chuẩn bị các học liệu điện tử, chuẩn bị các bài tập, bài kiểm tra, đánh giá điện tử phù hợp với Chương trình.			
B	THIẾT BỊ THEO CÁC CHỦ ĐỀ					
I	TRANH ẢNH					
1	Hoạt động hướng vào bản thân					
1.1		Bộ thẻ các gương mặt cảm xúc cơ bản	Giúp học sinh nhận diện các trạng thái cảm xúc cơ bản của bản thân thông qua gương mặt			
1.2		Bộ thẻ về “Nét riêng của em”	Giúp học sinh nhận biết được mỗi con người là duy nhất và có nét riêng biệt	45	0	Thiếu 45
1.3		Bộ thẻ về “Sở thích của em”	Giúp học sinh giới thiệu được các sở thích của bản thân, những đặc điểm riêng của mình	45	0	Thiếu 45
1.4		Bộ thẻ mệnh giá tiền Việt Nam	Giúp HS thực hành, sử dụng trong hoạt động tập mua	45	0	Thiếu 45

			bán hàng hóa			
1.5		Bộ thẻ các hoạt động trong ngày của em	Giúp học sinh nhận biết các công việc trong ngày của bản thân và sắp xếp các thứ tự hoạt động trong ngày.	45	0	Thiếu 45
1.6		Bộ thẻ về vệ sinh an toàn thực phẩm	Giúp học sinh nhận biết được thực phẩm an toàn và không an toàn	45	0	Thiếu 45
1.7		Bộ tranh về Phòng tránh bị lạc, bị bắt cóc	Giúp HS nhận diện được các tình huống dễ bị lạc, bắt cóc	45	0	Thiếu 45
2	Hoạt động hướng đến xã hội					
2.1		Bộ thẻ Gia đình em		45	0	Thiếu 45
2.2		Bộ tranh Tình bạn	Giáo dục về tình bạn	45	0	Thiếu 45
3	Hoạt động hướng nghiệp					
3.1	Hoạt động hướng nghiệp	Bộ tranh Nghề của bố mẹ em	Nhận biết và làm quen với các nghề nghiệp khác nhau			
II	VIDEO/CLIP					
1	Hoạt động hướng vào bản thân					
1.1		Video về “Không an toàn thực phẩm”	Giúp học sinh nhận biết được những nguyên nhân dẫn đến thực phẩm không an toàn	8	0	Thiếu 8
1.2		Video về nguy cơ trẻ em bị xâm hại	Giúp HS nhận biết được nguy cơ bị xâm hại, từ đó biết được	8	0	Thiếu 8

			những hành động để phòng tránh xâm hại.			
1.3		Video về Văn hóa Giao tiếp trên mạng	Giúp HS nhận biết được lợi ích và một số tình huống nguy hiểm tiềm ẩn khi giao tiếp trên mạng.			
1.4		Video về hỏa hoạn	Giúp HS nhận biết được nguyên nhân gây hỏa hoạn, hậu quả của hỏa hoạn			
2	Hoạt động hướng đến xã hội					
2.1		Video về hành vi phản văn hóa nơi công cộng	Giúp học sinh nhận biết được những hành vi phản văn hóa nơi công cộng	8	0	Thiếu 8
3	Hoạt động hướng đến tự nhiên					
3.1		Video về Phong cảnh đẹp quê hương	Giáo dục lòng yêu quê hương đất nước	8	0	Thiếu 8
3.2		Video về ô nhiễm môi trường	Giúp HS nhận biết được những biểu hiện của ô nhiễm môi trường	8	0	Thiếu 8
III	DỤNG CỤ					
1	Hoạt động hướng nghiệp					
1.1		Bộ dụng cụ lao động sân trường	- Bộ dụng cụ làm vệ sinh trường học, bao gồm: Chổi rế loại nhỏ, ky hốt rác có cán bằng nhựa, găng tay lao	5	0	

			động loại nhỏ phù hợp với học sinh, khẩu trang y tế loại nhỏ			
			- Bộ công cụ làm vệ sinh lớp học, bao gồm: Chổi loại nhỏ, khăn lau, ky hốt rác có cán bằng nhựa, khẩu trang y tế loại nhỏ, giỏ đựng rác bằng nhựa có quai xách;	18	0	
			- Bộ dụng cụ chăm sóc hoa, cây trồng thông thường, bao gồm: xẻng, chĩa 3 bằng nhựa, bình tưới cây 4 lít bằng nhựa, kéo cắt cành.	5	0	
1.2		Bộ dụng cụ lều trại	Giúp học sinh trải nghiệm với các Hoạt động ngoài trời	18	0	
14. TBDH DÙNG CHUNG						
1		Bảng nhóm	Dùng cho dạy học và hoạt động giáo dục.	324	180	Thiếu 144
2		Bảng phụ	Dùng cho dạy học và hoạt động giáo dục.	36	15	Thiếu 21
3		Tủ/giá đựng thiết bị	Đựng thiết bị	72	10	Thiếu 36
4		Nam châm	Gắn tranh, ảnh lên bảng	720	168	Thiếu 552
5		Nẹp treo tranh	Nẹp tranh, bản đồ, lược đồ	20	20	
6		Giá treo tranh	Bảo quản tranh	3	3	Đủ

7		Thiết bị thu phát âm thanh	Dùng chung cho toàn trường, tất cả các môn học và hoạt động giáo dục (căn cứ điều kiện thực tế của nhà trường để lựa chọn các thiết bị dưới đây cho phù hợp)			
7.1		Đài đĩa	Dùng cho dạy học và hoạt động giáo dục.			
7.2		Loa cầm tay	Dùng cho các hoạt động ngoài trời	3	1	
7.3		Thiết bị âm thanh đa năng di động	Dùng cho dạy học và hoạt động giáo dục.	5	4	Thiếu 1
8		Thiết bị trình chiếu	Dùng chung cho toàn trường, tất cả các môn học và hoạt động giáo dục (căn cứ điều kiện thực tế của nhà trường để lựa chọn các thiết bị dưới đây cho phù hợp)			
8.1		Máy tính (để bàn hoặc xách tay)		5	2	
8.2		Máy chiếu (hoặc Màn hình hiển thị)	Trình chiếu	36	6	
8.3		Đầu DVD	Dùng cho dạy học và hoạt động giáo dục.			
8.4		Máy chiếu vật thể	Dạy học			
9		Máy in		5	0	
10		Máy ảnh (hoặc Máy quay)	Dùng cho dạy học và hoạt động giáo dục	2	0	

11		Cân	Dùng để đo khối lượng cơ thể học sinh	2	0	Thiếu 2
12		Nhiệt kế điện tử	Dùng để đo nhiệt độ cơ thể học sinh	2	1	Thiếu 1

d. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Danh mục sách giáo khoa được phê duyệt:

 Danh mục sách giáo khoa lớp 1:

STT	Môn học	Tên bộ sách	Tổng chủ biên/Chủ biên	Nhà xuất bản	Ghi chú
1	Tiếng Việt 1	Cánh Diều	(Nguyễn Minh Thuyết - Tổng chủ biên)	NXB Đại học sư phạm TP Hồ Chí Minh	
2	Toán 1	Cánh Diều	(Đỗ Đức Thái - Tổng chủ biên)	NXB Đại học sư phạm	
3	Tự nhiên và Xã hội 1	Cánh Diều	(Lưu Thu Thủy - Tổng chủ biên)	NXB Đại học sư phạm	
4	Đạo đức 1	Cánh Diều	(Mai Sỹ Tuấn - Tổng chủ biên)	NXB Đại học sư phạm TP Hồ Chí Minh	
5	Mĩ thuật 1	Chân Trời Sáng Tạo	(Nguyễn Xuân Tiên - Tổng chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam	
6	Âm nhạc 1	Cùng học để phát triển năng lực	(Hoàng Long - Tổng CB, kiêm Chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam	
7	Giáo dục thể chất 1	Cánh Diều	(Đặng Ngọc Quang - Tổng chủ biên)	NXB Đại học sư phạm	
8	Hoạt động trải nghiệm 1	Cánh Diều	(Nguyễn Đức Quang - Tổng chủ biên)	NXB Đại học sư phạm TP Hồ Chí Minh	

Danh mục này có 8 sách giáo khoa

 Danh mục sách giáo khoa lớp 2:

STT	Môn học	Tên sách	Tổng chủ biên/Chủ biên	Tên Nhà xuất bản	Ghi chú
-----	---------	----------	------------------------	------------------	---------

1	Tiếng Việt 2	Cánh Diều	<i>Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên)</i>	NXB Đại học Sư phạm TP HCM	
2	Toán 2	Cánh Diều	<i>Đỗ Đức Thái - Tổng Chủ biên Đỗ Tiến Đạt - Chủ biên</i>	NXB Đại học sư phạm	
3	Đạo đức 2	Cánh Diều	<i>Trần Văn Thắng (Tổng Chủ biên), Ngô Vũ Thu Hằng (Chủ biên)</i>	NXB Đại học Sư phạm TP HCM	
4	Tự nhiên và Xã hội 2	Cánh Diều	<i>Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Bùi Phương Nga (Chủ biên)</i>	NXB Đại học Sư phạm Việt Nam	
5	Giáo dục Thể chất 2	Cánh Diều	<i>Lê Quanh Hiệp - Tổng chủ biên Phạm Đông Đức - Chủ biên</i>	NXB Đại học sư phạm	
6	Âm nhạc 2	Chân trời sáng tạo	<i>Hồ Ngọc Khải, Lê Anh Tuấn - đồng Tổng CB Đặng Châu Anh - Chủ biên</i>	NXB Giáo dục Việt Nam	
7	Mĩ thuật 2	Chân trời sáng tạo	<i>Nguyễn Xuân Tiên, Nguyễn Thị Nhưng - đồng Tổng Chủ biên Nguyễn Tuấn Cường, Hoàng Minh Phúc - Chủ biên</i>	NXB Giáo dục Việt Nam	
8	Hoạt động trải nghiệm 2	Cánh Diều	<i>Nguyễn Dục Quang - Tổng chủ biên Phạm Quang Tiệp - Chủ biên</i>	NXB ĐHSP TP. Hồ Chí Minh	

Danh mục này có 8 sách giáo khoa

 Danh mục sách giáo khoa lớp 3:

STT	Môn học	Tên bộ sách	Tổng chủ biên/Chủ biên	Tên nhà xuất bản	Ghi chú
1	Tiếng Việt 3	Chân trời sáng tạo	<i>Nguyễn Thị Ly Kha, Trịnh Cam Ly (đồng Chủ biên).</i>	NXB Giáo dục Việt Nam	
2	Toán 3	Chân trời sáng tạo	<i>Trần Nam Dũng (Tổng Chủ biên), Khúc Thành Chính (Chủ biên).</i>	NXB Giáo dục Việt Nam	
3	Đạo đức 3	Chân trời sáng tạo	<i>Huỳnh Văn Sơn (Tổng Chủ biên), Mai Mỹ Hạnh, Phạm Quỳnh (đồng Chủ biên).</i>	NXB Giáo dục Việt Nam	
4	Tự nhiên và Xã hội 3	Cánh Diều	<i>Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Bùi Phương Nga (Chủ biên).</i>	NXB Đại học Sư phạm	
5	Tin học 3	Chân trời sáng tạo	<i>Quách Tất Kiên (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phạm Thị Quỳnh Anh (đồng Chủ biên).</i>	NXB Giáo dục Việt Nam	

6	Cộng nghệ 3	Chân trời sáng tạo	Bùi Văn Hồng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên).	NXB Giáo dục Việt Nam	
7	Giáo dục Thể chất 3	Cánh Diều	Lưu Quang Hiệp (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hữu Hùng (Chủ biên).	NXB Đại học Sư phạm	
8	Âm nhạc 3	Cánh Diều	Lê Anh Tuấn (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên).	NXB ĐHSP TP. Hồ Chí Minh	
9	Mĩ thuật 3	Chân trời sáng tạo	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Hồng Ngọc (đồng Chủ biên).	NXB Giáo dục Việt Nam	
10	Hoạt động trải nghiệm 3	Chân trời sáng tạo	Phó Đức Hòa, Vũ Quang Tuyên (đồng Tổng Chủ biên), Bùi Ngọc Diệp, Nguyễn Hữu Tâm (đồng Chủ biên).	NXB Giáo dục Việt Nam	
11	Tiếng Anh 3	Tiếng Anh 3 (Global Success)	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Phan Hà (Chủ biên).	NXB Giáo dục Việt Nam	

Danh mục này có 11 sách giáo khoa

 Danh mục sách giáo khoa lớp 4:

STT	Môn học	Tên bộ sách	Tổng chủ biên/Chủ biên	Tên nhà xuất bản	Ghi chú
1	Tiếng Việt 4	Chân trời sáng tạo	Nguyễn Thị Ly Kha, Trịnh Cam Ly (đồng Chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam	
2	Toán 4	Chân trời sáng tạo	Trần Nam Dũng (Tổng Chủ biên), Khúc Thành Chính (Chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam	
3	Đạo đức 4	Chân trời sáng tạo	Huỳnh Văn Sơn (Tổng Chủ biên), Mai Mỹ Hạnh (Chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam	
4	Khoa học 4	Chân trời sáng tạo	Đỗ Xuân Hội (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Thủy (Chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam	
5	Lịch sử và Địa lý 4	Chân trời sáng tạo	Nguyễn Trà My, Phạm Đỗ Văn Trung (đồng Chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam	
6	Tin học 4	Chân trời sáng tạo	Quách Tất Kiên (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phạm Thị Quỳnh Anh (đồng Chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam	
7	Công nghệ 4	Chân trời sáng tạo	Bùi Văn Hồng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Hồng Chiêm, Lê Thị Mỹ Nga,	NXB Giáo dục Việt Nam	

			<i>Đoàn Thị Ngân</i>		
8	Giáo dục Thể chất 4	Cánh Diều	<i>Đinh Quang Ngọc (Tổng Chủ biên), Mai Thị Bích Ngọc (Chủ biên)</i>	NXB ĐHSP TP Hồ Chí Minh	
9	Âm nhạc 4	Cánh Diều	<i>Lê Anh Tuấn (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên)</i>	NXB ĐHSP TP Hồ Chí Minh	
10	Mĩ thuật 4	Chân trời sáng tạo	<i>Nguyễn Thị Nhung (Tổng chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường (Chủ biên)</i>	NXB Giáo dục Việt Nam	
11	Hoạt động trải nghiệm 4	Chân trời sáng tạo	<i>Phó Đức Hoà (Tổng Chủ biên), Bùi Ngọc Diệp (Chủ biên)</i>	NXB Giáo dục Việt Nam	
12	Tiếng Anh 4	Tiếng Anh 4 (Global Success)	<i>Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Quốc Tuấn (Chủ biên)</i>	NXB Giáo dục Việt Nam	

Danh mục này có 12 sách giáo khoa

 Danh mục sách giáo khoa lớp 5:

Số TT	Tên sách	Tên bộ sách	Tác giả	Nhà xuất bản	Ghi chú
1	Tiếng Việt 5	Chân trời sáng tạo	<i>Tập 1: Nguyễn Thị Ly Kha, Trịnh Cam Ly (đồng Chủ biên), Vũ Thị Ân, Trần Văn Chung, Phạm Thị Kim Oanh, Hoàng Thụy Thanh Tâm</i>	NXB Giáo dục Việt Nam	
			<i>Tập 2: Nguyễn Thị Ly Kha, Trịnh Cam Ly (đồng Chủ biên), Vũ Thị Ân, Trần Văn Chung, Phạm Thị Kim Oanh, Hoàng Thụy Thanh Tâm</i>		
2	Toán 5	Chân trời sáng tạo	<i>Trần Nam Dũng (Tổng Chủ biên), Khúc Thành Chính (Chủ biên), Đinh Thị Xuân Dung, Nguyễn Kinh Đức, Đậu Thị Huế, Đinh Thị Kim Lan, Huỳnh Thị Kim Trang</i>	NXB Giáo dục Việt Nam	
3	Đạo đức 5	Chân trời sáng tạo	<i>Huỳnh Văn Sơn (Tổng Chủ biên), Mai Mỹ Hạnh (Chủ biên)</i>	NXB Giáo dục Việt Nam	
4	Lịch sử và Địa lý 5	Chân trời sáng tạo	<i>Nguyễn Trà My, Phạm Đỗ Văn Trung (đồng Chủ biên)</i>	NXB Giáo dục Việt Nam	
5	Khoa học 5	Chân trời	<i>Đỗ Xuân Hội (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị</i>	NXB Giáo dục Việt	

Số TT	Tên sách	Tên bộ sách	Tác giả	Nhà xuất bản	Ghi chú
		sáng tạo	<i>Thanh Thủy (Chủ biên)</i>	Nam	
6	Tin học 5	Chân trời sáng tạo	<i>Quách Tất Kiên (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phạm Thị Quỳnh Anh (đồng Chủ biên), Nguyễn Nhật Minh Đăng, Lê Tấn Hồng Hải, Trịnh Thanh Hải</i>	NXB Giáo dục Việt Nam	
7	Công nghệ 5	Chân trời sáng tạo	<i>Bùi Văn Hồng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên)</i>	NXB Giáo dục Việt Nam	
8	Giáo dục thể chất 5	Cánh Diều	<i>Đinh Quang Ngọc (Tổng Chủ biên), Mai Thị Bích Ngọc (Chủ biên), Đinh Khánh Thu, Nguyễn Thị Thu Quyết, Đinh Thị Mai Anh.</i>	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm	
9	Âm nhạc 5	Cánh Diều	<i>Lê Anh Tuấn (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Tạ Hoàng Mai Anh, Trương Thị Thùy Linh, Nguyễn Thị Quỳnh Mai.</i>	NXB Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh	
10	Mĩ thuật 5	Chân trời sáng tạo – Bản 1	<i>Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên); Nguyễn Tuấn Cường (Chủ biên); Lương Thanh Khiết, Nguyễn Ánh Phương Nam – Phạm Văn Thuận.</i>	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
11	Hoạt động trải nghiệm 5	Chân trời sáng tạo	<i>Phó Đức Hòa (Tổng Chủ biên), Bùi Ngọc Diệp (Chủ biên)</i>	NXB Giáo dục Việt Nam	
12	Tiếng Anh 5	Global Success	<i>Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Trần Hương Quỳnh (Chủ biên)</i>	NXB Giáo dục Việt Nam	

Danh mục này có 12 sách giáo khoa

3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:

a. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá:

Với sự nỗ lực và quyết tâm, nhà trường đã huy động các tổ chức đoàn thể trong và ngoài nhà trường, cùng với sự chỉ đạo sâu sát của Phòng GD&ĐT; Hội đồng TĐG đã hoàn thành hồ sơ theo kế hoạch đã đề ra. Đối chiếu với các kết quả về hoạt động giáo dục mà nhà trường đã đạt được trong 5 năm qua với Bộ tiêu chuẩn đánh giá trường tiểu học được Bộ GD&ĐT ban hành; trong quá trình tự đánh giá nhà trường đã đạt được những kết quả cụ thể về các tiêu chí và chỉ số như sau:

- Mức 1:

- + Số lượng tiêu chí đạt 27/27 tiêu chí, đạt Tỷ lệ: 100 %;
- + Số lượng tiêu chí không đạt 0/27 tiêu chí, đạt Tỷ lệ: 0 %;
- Mức 2:
 - + Số lượng tiêu chí đạt 27/27 tiêu chí, đạt Tỷ lệ: 100 %;
 - + Số lượng tiêu chí không đạt 0/27 tiêu chí, đạt Tỷ lệ: 0%;
- Mức 3:
 - + Số lượng tiêu chí đạt 19/27 tiêu chí, đạt Tỷ lệ: 70,73 %;
 - + Số lượng tiêu chí không đạt: không
- Mức đánh giá của trường: Mức 3;
- Trường TH Kim Đồng đạt kiểm định chất lượng giáo dục **Cấp độ 3 và đạt chuẩn quốc gia Mức độ 2.**

b. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục

Căn cứ Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học, Trường Tiểu học Kim Đồng tự đánh giá đạt Mức 2; được cấp trên kiểm tra đánh giá ngoài công nhận lại trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 3 và công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia Mức độ 2 (trong tháng 7/2024)

Hàng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục.

(Kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục kèm theo)

4. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm các nội dung sau đây

Làm tốt công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của CBQL, GV, CMHS, HS về vai trò của giáo dục STEM nhằm tạo sự đồng thuận; huy động nguồn lực của cộng đồng triển khai thực hiện hiệu quả tích hợp giáo dục STEM trong Chương trình GDPT cấp tiểu học.

NỘI DUNG CÔNG KHAI KẾ HOẠCH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

(Điều 9 thực hiện theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT)

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học:

a. Kế hoạch tuyển sinh của cơ sở giáo dục, trong đó thể hiện rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan;

Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch tuyển sinh; năm học 2024-2025 chỉ tiêu tuyển sinh 245 em, 7 lớp. Thực hiện công tác tuyển sinh trực tiếp trong tháng 7 (phụ huynh nộp bản sao giấy khai sinh (đem bản chính để đối chiếu) và phiếu xác nhận nơi cư trú, Đơn đăng ký nhập học. Thời điểm hiện tại công tác tuyển sinh: Số trẻ trong địa bàn: 158 em. (Trong đó học tại trường: 133em, học nơi khác 25 em). Tổng số học sinh học

lớp 1 được xét vào trường: 269 em, trong đó: 133 em học tại địa bàn; 131 nơi khác đến học; 4 hs lưu ban). Tuyển sinh 100% trẻ trong diện PCGD tiểu học ra lớp;

Kế hoạch số 10/KH-THKĐ ngày 01/7/2024 của trường TH Kim Đồng thành phố Tây Ninh về việc tuyển sinh lớp 1, năm học 2024-2025.

(Kèm theo kế hoạch)

b. Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2024-2025

(có kế hoạch đính kèm).

c. Quy chế phối hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh.

(có quy chế đính kèm).

d. Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục

Tổ chức các hoạt động nhân kỉ niệm các ngày lễ lớn như trung thu, 20/11, 22/12, 26/3,...

Hàng tuần tổ chức sinh hoạt dưới cờ dưới hình thức sân khấu hóa

Tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, giao lưu các câu lạc bộ Stem, Tiếng Anh, các hoạt động trải nghiệm ngoài nhà trường.

đ. Thực đơn hằng ngày của học sinh: *(Kèm theo thực đơn)*

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước 2023-2024

a. Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường

Tuyển sinh lớp 1: Tuyển sinh 245/245 = 100% trẻ 6 tuổi vào lớp 1

Thống kê từng khối

Khối	Số lớp	Số HS	Nữ	Dân tộc	Số HSKT	Tỉ lệ HS/ lớp	Số buổi học/ tuần	Ghi chú
1	8	287	147	3	0	35,9	9 buổi	
2	7	270	128	5	2	38,6	9 buổi	
3	7	287	138	8	0	41	9 buổi	
4	7	280	150	8	3	40	9 buổi	
5	7	270	130	6	2	38,6	9 buổi	
Cộng	36	1394	693	30	7	38,7	9 buổi	

b. Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp

Tỷ lệ HS được lên lớp thẳng $1390/1394 = 99,7\%$, còn lại 4 học sinh rèn luyện thêm trong hè (bằng so với năm học trước (4HS)). Sau rèn luyện hè, 4 HS phải ở lại lớp.

Tỷ lệ HS được nhà trường tặng giấy khen là $1199/1394 = 86\%$

c. Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông; số lượng học sinh trúng tuyển đại học đối với cấp trung học phổ thông

Chất lượng lớp 5 hoàn thành chương trình tiểu học $270/270 = 100\%$;

3. Thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp (nếu có): Không có

Nơi nhận:

- CBQL, GV, NV;
- Trang website;
- Lưu: VT. Trường TH KĐ

HIỆU TRƯỞNG



Mai Thị Thanh Xuyên